

Kinh tế vĩ mô tháng 4 năm 2020: Những điểm nổi bật

Những điểm nổi bật của kinh tế, giá cả, tài chính tiền tệ quốc tế

- Các nền kinh tế đầu tàu tiếp tục đối mặt với tình trạng thu hẹp mạnh trong lĩnh vực sản xuất và suy giảm trong lĩnh vực tiêu dùng;
- Chỉ số giá cả hàng hóa toàn cầu giảm tháng thứ 4 liên tiếp nhưng mức giảm đã chậm lại so với tháng trước; giá dầu tiếp tục biến động phức tạp;
- Các NHTW tiếp tục phải nới lỏng chính sách tiền tệ thông qua hạ lãi suất và thực hiện các biện pháp nới lỏng định lượng để hỗ trợ tăng trưởng; trong tháng 4 đã có thêm 31 NHTW tiếp tục cắt giảm lãi suất;
- Đồng bạc xanh tiếp tục tăng nhẹ, một số đồng tiền mạnh khác cũng tăng giá so với đồng USD, trong đó đáng chú ý là mức tăng của đồng AUD;
- Giá vàng ghi nhận tháng tăng điểm mạnh nhất kể từ đầu năm.

Những điểm nổi bật của kinh tế trong nước

- Sản xuất công nghiệp chịu ảnh hưởng mạnh bởi dịch Covid – 19; Chỉ số Nhà quản trị mua hàng – PMI ở mức thấp chưa từng có trong lịch sử khảo sát chỉ số;
- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng giảm mạnh;
- Vốn từ nguồn NSNN thực hiện trong tháng 4 thấp hơn so với tháng trước; Vốn góp mua cổ phần và vốn đầu tư thực hiện tiếp tục giảm;
- Kim ngạch xuất nhập khẩu giảm so với tháng trước; Cán cân thương mại nhập siêu trong tháng 4;
- Chỉ số giá tiêu dùng giảm 1,54% so với tháng trước; CPI bình quân 4 tháng đầu năm tăng 4,9% so với cùng kỳ năm ngoái;
- Thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất nhập khẩu đã giảm về mặt giá trị so với cùng kỳ;
- Lãi suất huy động tiếp tục giảm; Lãi suất liên ngân hàng đã giảm ở hầu hết các kỳ hạn;
- Tỷ giá đã hạ nhiệt so với tháng trước; Giá vàng trong nước tiếp tục tăng;
- Thị trường chứng khoán tăng điểm mạnh trở lại, là thị trường có diễn biến tích cực nhất trong tháng 4 tại khu vực Châu Á.

KINH TẾ THẾ GIỚI

1. Kinh tế thế giới

Kinh tế Mỹ tiếp tục suy giảm

Trong quý I, kinh tế Mỹ ước suy giảm 4,8% so với cùng kỳ, chấm dứt chuỗi tăng trưởng kéo dài lâu nhất trong lịch sử của nước Mỹ và cũng là quý suy giảm mạnh nhất kể từ cuối năm 2008 trở lại đây.

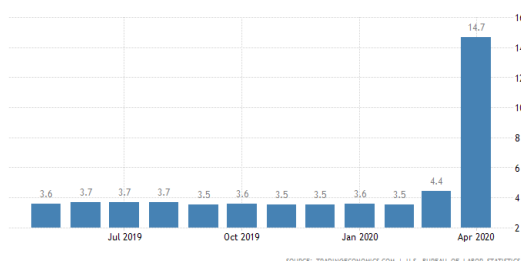
Bước sang tháng 4, các chỉ số vĩ mô của Mỹ tiếp tục có những diễn biến xấu đi. Khu vực sản xuất là lĩnh vực chịu tác động nặng nề nhất khi chỉ số PMI tổng hợp đã giảm mạnh từ mức 40,9 điểm của tháng 3 xuống còn 27,4 điểm trong tháng 4 – mức thu hẹp mạnh nhất của khu vực sản xuất từ cuối năm 2009 trở lại đây. Sự thu hẹp ghi nhận trong cả 2 khu vực chế biến chế tạo và dịch vụ¹.

Tăng trưởng doanh số bán lẻ hàng hóa đã giảm mạnh 5,8% so với cùng kỳ trong tháng 3 - mức giảm lớn nhất được ghi nhận kể từ sau khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008. Chỉ số niềm tin người tiêu dùng cũng liên tục đi xuống phản ánh tâm lý bi quan trước dịch bệnh, kết thúc tháng 4 đang ở mức thấp nhất từ năm 2001 đến nay là 71,8 điểm.

Trên thị trường lao động, tỷ lệ thất nghiệp tăng vọt lên mức cao nhất trong lịch sử là 14,7% trong tháng 4 do diễn biến phức tạp của dịch Covid – 19 đã khiến hàng triệu người lao động Mỹ mất việc. Diễn biến này cũng được phản ánh qua chỉ số việc làm được tạo thêm trong lĩnh vực phi nông nghiệp có tháng giảm thứ 2 liên tiếp với mức giảm 20,5 triệu người – mức giảm mạnh nhất kể từ tháng 2/2011.

Lạm phát tại Mỹ đạt trên 2% so với cùng kỳ trong 2 tháng đầu năm sau đó có sự điều chỉnh giảm mạnh xuống còn 1,5% trong tháng 3.

Tỷ lệ thất nghiệp (% yoy)



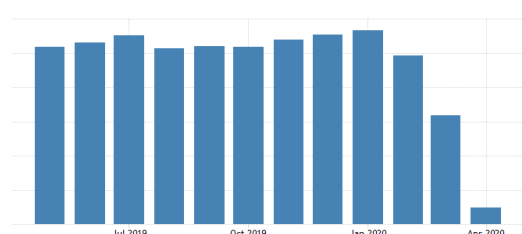
Doanh số bán lẻ hàng hóa (% yoy)



Diễn biến lạm phát (% yoy)



Chỉ số PMI tổng hợp



Nguồn: Trading economicsics

Kinh tế khu vực EU sụt giảm mạnh hơn

Kinh tế khu vực EU quý I ước giảm 3,8% so với cùng kỳ, là quý suy giảm mạnh nhất trong lịch sử khảo sát chuỗi số liệu này từ năm 1995. Trong tháng 4, diễn biến các chỉ số vĩ mô chịu tác động rõ nét hơn từ dịch bệnh. Khu vực

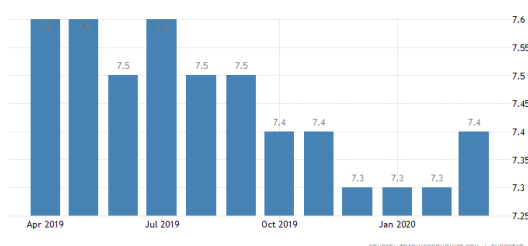
¹ Trong tháng 4, chỉ số PMI khu vực chế biến chế tạo tại Mỹ giảm xuống 36,9 điểm; trong khi đó PMI khu vực dịch vụ giảm mạnh xuống còn 27 điểm.

sản xuất đang ghi nhận tình trạng đình đốn nghiêm trọng do những diễn biến phức tạp của dịch bệnh với chỉ số PMI tổng hợp đã giảm mạnh xuống mức thấp nhất trong lịch sử là 13,5 điểm, trong đó cả hai khu vực chế biến chế tạo và dịch vụ đều suy giảm mạnh².

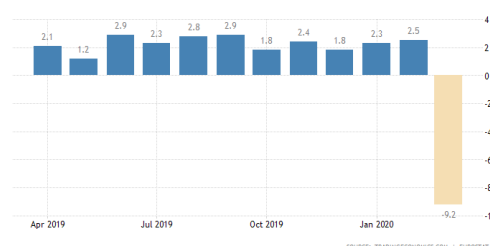
Trong lĩnh vực tiêu dùng, doanh số bán lẻ hàng hóa giảm mạnh 9,2% so với cùng kỳ trong tháng 3, là mức giảm mạnh nhất kể từ khi bắt đầu thống kê chuỗi số liệu này từ năm 1996. Bên cạnh đó, chỉ số niềm tin người tiêu dùng đã giảm xuống mức thấp nhất kể từ đầu năm 2009 đến nay là 22,7 điểm trong tháng 4.

Tỷ lệ lạm phát tại khu vực EU tiếp tục xu hướng sụt giảm, xuống còn 0,4% so với cùng kỳ trong tháng 4. Tỷ lệ thất nghiệp đang có xu hướng gia tăng, từ mức 7,3% lên hiện đạt 7,4%.

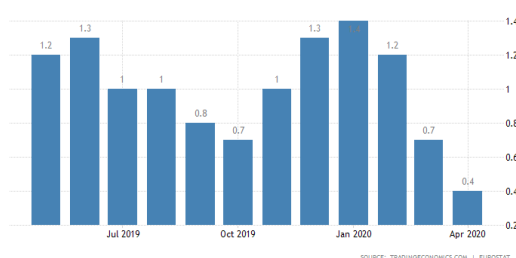
Tỷ lệ thất nghiệp (% yoy)



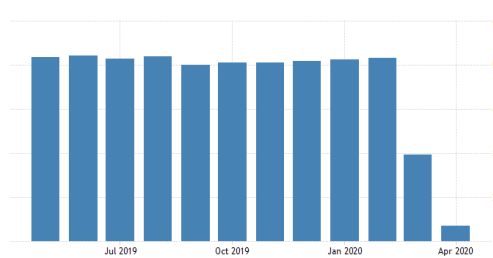
Doanh số bán lẻ hàng hóa (% yoy)



Diễn biến lạm phát (% yoy)



Chỉ số PMI tổng hợp



Nguồn: Trading economicsmics

Kinh tế Nhật Bản suy giảm trên diện rộng

Kinh tế Nhật Bản đang diễn biến ngày một xấu đi. Trong lĩnh vực sản xuất, chỉ số PMI tổng hợp đã giảm mạnh xuống còn 27,8 điểm trong tháng 4, trong đó chỉ số PMI khu vực dịch vụ ghi nhận mức thu hẹp mạnh nhất trong lịch sử xuống còn 22,8 điểm và khu vực chế biến chế tạo cũng giảm xuống còn 43,7 điểm.

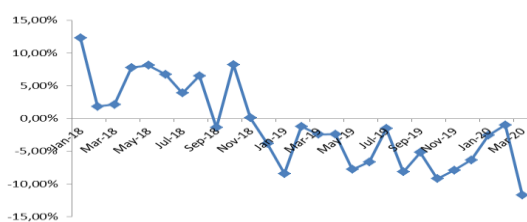
Trong khi đó, tiêu dùng nội địa đã suy giảm nhanh chóng trở lại trong tháng 3 do bắt đầu chịu tác động của lệnh cách ly từ dịch bệnh. Kết quả là tăng trưởng doanh số bán lẻ hàng hóa trong tháng 3 đã giảm trở lại - 4,6% so với cùng kỳ. Bên cạnh đó, chỉ số niềm tin người tiêu dùng trong tháng 4 cũng giảm xuống mức thấp nhất kể từ khi chuỗi số liệu này được thống kê từ năm 1982 đến nay còn 21,6 điểm.

Xuất khẩu là lĩnh vực tiếp tục chịu tác động mạnh từ diễn biến dịch bệnh khi sụt giảm tháng thứ 16 liên tiếp với mức giảm 11,7% so với cùng kỳ. Đây cũng là mức giảm mạnh nhất của kim ngạch xuất khẩu kể từ đầu năm 2018 trở lại đây.

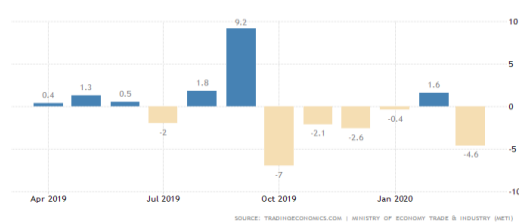
² Trong tháng 4, chỉ số PMI lĩnh vực chế biến chế tạo tại khu vực EU đã giảm xuống còn 33,6 điểm và PMI lĩnh vực dịch vụ giảm mạnh xuống còn 11,7 điểm.

Lạm phát tại Nhật Bản đạt 0,4% trong tháng 3 và là mức lạm phát thấp nhất được ghi nhận kể từ tháng 10 năm ngoái đến nay do diễn biến dịch bệnh đã ảnh hưởng đến hoạt động tiêu dùng.

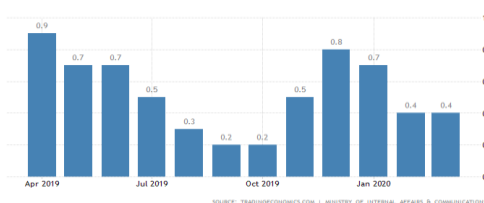
Tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu (% yoy)



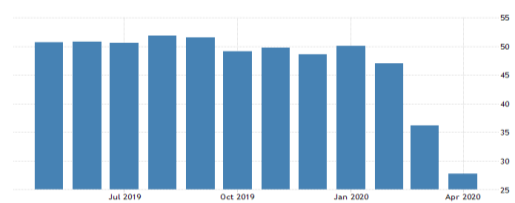
Doanh số bán lẻ hàng hóa (% yoy)



Diễn biến lạm phát (%yoy)



Chỉ số PMI tổng hợp



Nguồn: Trading economics

Kinh tế Trung Quốc đã có một số tín hiệu hồi phục

Tăng trưởng kinh tế Trung Quốc trong quý I ước giảm 9,8% so với cùng kỳ do là quốc gia chịu tác động nặng nề nhất của dịch Covid - 19. Bước sang tháng 4, các chỉ số vĩ mô ghi nhận một số tín hiệu hồi phục. Trong lĩnh vực sản xuất, chỉ số PMI tổng hợp đã có sự phục hồi nhẹ từ mức 46,7 điểm của tháng trước lên mức 47,6 điểm của tháng 4. Tuy nhiên, sự phục hồi này chủ yếu đến từ sự mở rộng của khu vực dịch vụ, trong khi đó khu vực chế biến, chế tạo đã quay trở lại ngưỡng thu hẹp trong tháng 4³.

Trong khi đó, mức độ suy giảm của doanh số bán lẻ hàng hóa tiêu dùng so với cùng kỳ cũng đã chậm lại với mức giảm của tháng gần nhất là 15,8%.

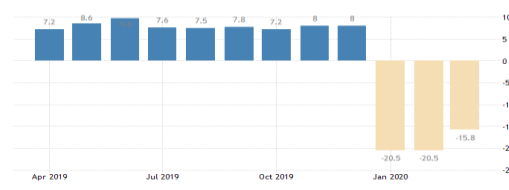
Xuất khẩu tháng 4 đã lấy lại đà tăng với mức tăng đạt 3,5% so với cùng kỳ sau chuỗi 8 tháng giảm liên tiếp trước đó. Xuất khẩu gia tăng mạnh đối với các mặt hàng thiết bị y tế, thuốc men và dệt may, trong đó bao gồm khẩu trang y tế. Kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng trên tăng mạnh tại các quốc gia đang trong tình trạng bùng phát của dịch bệnh như Nhật Bản (tăng 33% so với cùng kỳ), Australia (31,9%), Đài Loan (20,7%), Hàn Quốc (8,4%), Asean (4,2%) và Mỹ (2,2%).

Lạm phát tiếp tục xu hướng điều chỉnh giảm xuống đạt 4,3% nhờ các biện pháp hiệu quả kiểm chế đà tăng của giá cả các mặt hàng lương thực và phi lương thực.

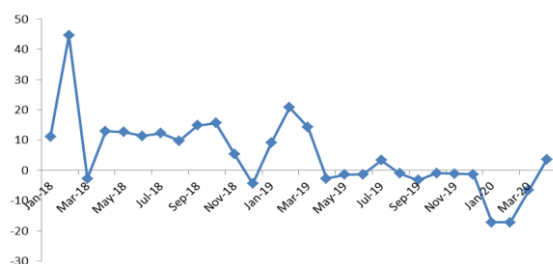
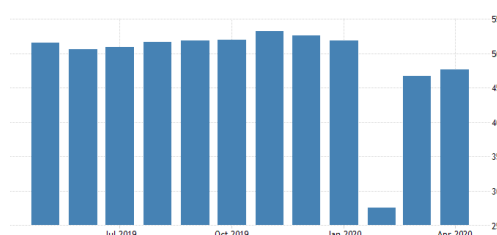
Lạm phát (% yoy)



Doanh số bán lẻ hàng hóa (% yoy)



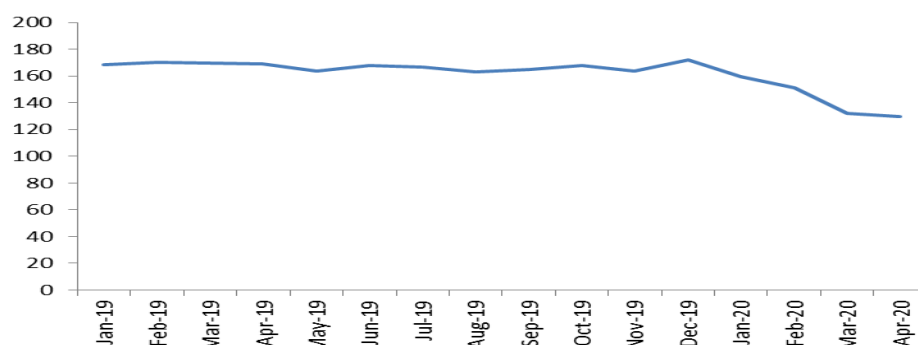
³ Trong tháng 4, chỉ số PMI chế biến chế tạo của Trung Quốc giảm từ mức 50,1 điểm của tháng trước xuống còn 49,4 điểm; PMI của khu vực dịch vụ tăng từ mức 43 điểm của tháng 3 lên 44,4 điểm trong tháng 4.

Tăng trưởng xuất khẩu (% yoy)**Chỉ số PMI tổng hợp**

Nguồn: Trading Economics

Giá cả hàng hóa thế giới tháng 4 tiếp tục giảm, giá dầu biến động mạnh

Trong tháng 4, chỉ số giá hàng hóa chung tiếp tục giảm tháng thứ 4 liên tiếp nhưng mức giảm đã thu hẹp so với các tháng trước đó. Cụ thể, chỉ số giá cả hàng hóa chung tháng 4 theo thống kê của Bloomberg đã giảm 1,54% so với tháng trước, là mức giảm thấp nhất được ghi nhận kể từ đầu năm đến nay. Các nhóm hàng chủ chốt ghi nhận các xu hướng tăng giảm khác nhau.

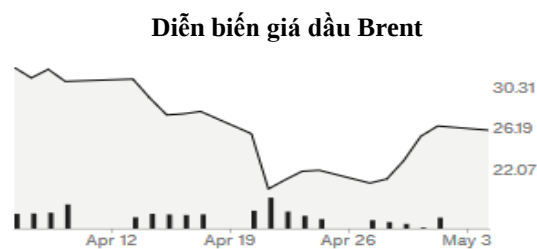
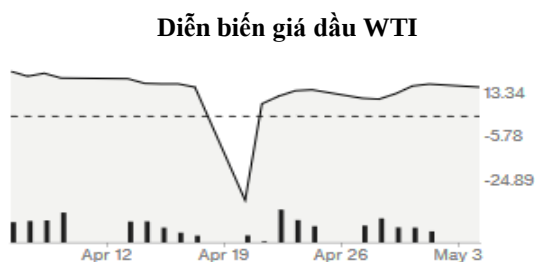
Diễn biến chỉ số giá hàng hóa chung

Nguồn: Bloomberg

Trong nhóm hàng kim loại, ngoại trừ giá nhôm tiếp tục giảm 2,06% so với tháng trước thì giá các mặt hàng kim loại quý cũng như kim loại sản xuất đều đã lấy lại đà tăng. Nhóm hàng kim loại quý ghi nhận mức tăng 6 – 7% do những lo lắng về tăng trưởng kinh tế toàn cầu sụt giảm, trong khi đó nhóm kim loại sản xuất phục hồi với mức tăng từ 2 – 5% do kỳ vọng về sự phục hồi sản xuất tại Trung Quốc sau khi kiểm soát thành công dịch bệnh.

Trên thị trường các sản phẩm nông nghiệp thô, giá các mặt hàng ghi nhận xu hướng tăng giảm đan xen với mức độ giao động có sự khác biệt lớn. Một số mặt hàng như lúa mì, đậu nành, cà phê, đường,... tiếp tục điều chỉnh giảm so với tháng trước, trong đó đường ghi nhận mức giảm thấp nhất là 0,48%, cà phê giảm mạnh nhất lên đến 11,08%. Các mặt hàng gạo, cao su, cotton, cacao đã tăng giá trở lại với mức tăng giao động trong khoảng 4 – 12%.

Mặt hàng dầu tiếp tục ghi nhận một tháng biến động mạnh. Giá dầu có xu hướng giảm mạnh trong 3 tuần đầu tháng và chỉ lấy lại đà tăng trong tuần cuối tháng khi các nhà sản xuất dầu mỏ lớn thế giới bắt đầu cắt giảm sản lượng theo thỏa thuận trước đó. Trong đó, đáng chú ý là sự lao dốc của giá dầu WTI từ mức 18,27 USD/thùng ngày 17/4 xuống mức -37,63 USD/thùng vào ngày 20/4. Kết thúc phiên giao dịch cuối tháng 4, giá dầu WTI chốt ở mức 18,84 USD/thùng, giảm 6,27% so với tháng trước và kéo dài chuỗi giảm giá của dầu WTI lên đến 4 tháng liên tiếp. Trong khi đó, giá dầu Brent đã lấy lại đà tăng sau 3 tháng giảm liên tiếp trước đó, kết thúc 4 ở mức 25,27 USD/thùng, tăng 11,13% so với tháng trước.



Nguồn: Bloomberg

2. Điều hành chính sách của NHTW các quốc gia

NHTW các nước tiếp tục giảm lãi suất và nới lỏng CSTT để hỗ trợ nền kinh tế

Theo thống kê của tổ chức Central Bank News, trong tháng 4 đã có 31 NHTW tiếp tục cắt giảm lãi suất, đưa tổng số NHTW đã tiến hành cắt giảm lãi suất từ đầu năm đến nay lên con số 83 NHTW với 147 lượt cắt, trong đó có những NHTW đã cắt giảm lãi suất nhiều lần. Tính đến cuối tháng 4, chỉ số lãi suất toàn cầu (GMPR) do Central Bank News thống kê ở mức 4,55%, giảm 0,3% so với cuối tháng trước. Bên cạnh biện pháp cắt giảm lãi suất, một số NHTW thực hiện thêm các gói nới lỏng định lượng và một số biện pháp nới lỏng chính sách đặc biệt để hỗ trợ nền kinh tế.

- Trong tháng 4, NHTW tại các nền kinh tế phát triển không tiến hành cắt giảm lãi suất điều hành, mà tập trung triển khai thêm các chương trình thu mua tài sản và một số biện pháp nới lỏng chính sách đặc biệt:

+ NHTW Canada ngày 15/4 đã triển khai hai chương trình mua trái phiếu mới để hỗ trợ thị trường tín dụng, bao gồm Chương trình mua trái phiếu cấp bang với giá trị lên tới 50 tỷ CAD (trên 35 tỷ USD) và Chương trình mua trái phiếu doanh nghiệp trị giá 10 tỷ CAD (trên 7 tỷ USD) trên thị trường mở.

+ NHTW châu Âu (ECB) ngày 30/4 đã không cắt giảm lãi suất tiền gửi mà thay vào đó nới lỏng các điều kiện đối với công cụ tái cấp vốn dài hạn có mục tiêu TLTRO III. Theo đó, ECB quyết định giảm 50 điểm cơ bản đối với lãi suất các khoản vay TLTRO III, xuống mức thấp hơn lãi suất tái cấp vốn trong khoảng thời gian từ tháng 6/2020 đến tháng 6/2021.

+ NHTW Iceland quyết định mua tối đa 150 tỷ krona trái phiếu kho bạc tại các thị trường thứ cấp bắt đầu vào tháng 5. Tổng số tiền được mua trong Quý II có thể lên tới 20 tỷ krona, với các giao dịch mua tập trung vào các trái phiếu đáo hạn vào năm 2021, 2022, 2025 và 2031.

+ NHTW Nhật Bản (BoJ) trong cuộc họp ngày 27/4 đã quyết định tăng gấp 3 lần mức mua vào trái phiếu và nợ doanh nghiệp tối đa lên 20.000 tỷ yên (tương đương 186 tỷ USD) để nới lỏng tiếp cận vốn cho doanh nghiệp. Bên cạnh đó, BOJ sẽ mua vào trái phiếu Chính phủ với khối lượng không giới hạn nhằm giữ lãi suất dài hạn quanh mức 0%.

+ NHTW New Zealand tạm gỡ bỏ hạn chế về tỷ lệ cho vay trên giá trị thế chấp (LTV) trong 12 tháng kể từ ngày 1/5.

+ Cục dự trữ liên bang Mỹ (Fed) ngày 9/4 đã cung cấp thêm 2.300 tỷ USD nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp, hộ gia đình và các chính quyền bang đang chịu thiệt hại nặng nề do phần lớn hoạt động kinh tế bị đình trệ thông qua các biện pháp thu mua trái phiếu chính quyền bang, cung cấp các khoản vay kỳ hạn dài với ưu đãi lãi suất và điều kiện cho vay cho các doanh nghiệp.

- Tại các nền kinh tế đang phát triển và mới nổi:

+ Trong số 31 NHTW đã cắt giảm lãi suất, có nhiều NHTW đã cắt giảm lãi suất đến lần thứ 3 như NHTW Philippines, Thổ Nhĩ Kỳ, Sri Lanka,...

+ Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc (PBoC) ngày 20/4 đã hạ lãi suất cơ bản lần thứ 2 trong năm nay, đưa lãi suất cơ bản cho vay thời hạn 1 năm giảm từ 4,05% xuống 3,85%, thời hạn 5 năm từ 4,75% xuống 4,65%. Bên cạnh đó PBoC cũng đã cắt giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc 100 điểm cơ bản với đối tượng là các NHTM nông thôn và các hiệp hội tín dụng khu vực nông thôn.

3. Diễn biến thị trường ngoại hối, vàng, chứng khoán

Diễn biến thị trường ngoại hối

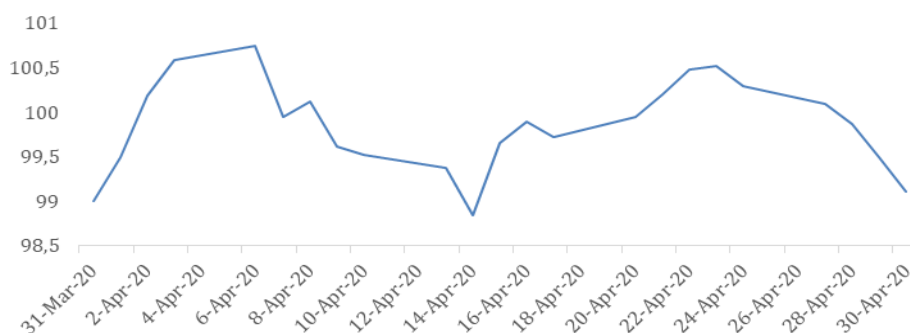
Đồng bạc xanh tiếp tục tăng giá

Trong tháng 4/2020, chỉ số USD index tiếp tục tăng 0,11% đối với chỉ số giao ngay. Mặc dù mức tăng đã giảm khá mạnh xong diễn biến tăng trong tháng 4 đã kéo dài chu kỳ tăng của đồng tiền này trong 4 tháng liên tục.

Trong tháng, đồng bạc xanh đã có 02 chuỗi tăng liên tục từ ngày 1 – 6/4/2020 và từ ngày 20 – 23/4/2020, ghi nhận mức tăng mạnh nhất là 0,81% vào ngày 15/4 trước hàng loạt các dự báo xấu về kinh tế các nước lớn và thế giới. Diễn biến tăng của đồng USD được hỗ trợ mạnh bởi nhu cầu đầu tư tài sản an toàn trong bối cảnh rủi ro do tác động của dịch bệnh bao trùm kinh tế toàn cầu và diễn biến giảm mạnh của giá dầu đã ảnh hưởng tiêu cực tới các đồng tiền có liên quan.

Mặc dù vậy, trong tháng 4/2020 cũng ghi nhận 02 chuỗi giảm liên tục từ ngày 7 – 14/4 và từ ngày 24/4 cho đến hết tháng với mức giảm mạnh nhất được ghi nhận vào ngày 7/4 khi các thị trường tài chính trên thế giới có thêm những tín hiệu mới, đồng thời trong ngày giao dịch này đồng USD đã giảm khỏi ngưỡng giá cao trên 100 điểm đã thiết lập trước đó. Diễn biến đảo chiều của đồng bạc xanh trong những thời gian này cũng bị ảnh hưởng mạnh bởi những diễn biến xấu đi của kinh tế Mỹ trong bối cảnh dịch bệnh lan rộng với những hậu quả nặng nề, đặc biệt là việc tỷ lệ trợ cấp thất nghiệp gia tăng liên tục trong nhiều tuần do các hoạt động sản xuất và kinh doanh bị gián đoạn trong toàn bộ nền kinh tế. Bên cạnh đó, các gói hỗ trợ kinh tế của FED lên đến hàng nghìn tỉ USD để hỗ trợ cho chính quyền địa phương và các doanh nghiệp vừa và nhỏ và kỳ vọng của thị trường về khả năng tiếp tục bơm tiền để giúp kinh tế phục hồi của nước Mỹ đã kìm chế đà tăng của đồng USD trong tháng. Kết thúc tháng, chỉ số USD index giao ngay giao dịch ở mức 99.11.

Diễn biến chỉ số USD index



Nguồn: investing.com

Đồng GBP đã có tháng tăng đầu tiên kể từ đầu năm, trong khi đó đồng EUR đã giảm trở lại so với đồng USD

Trong tháng 4/2020, 02 đồng tiền mạnh tại khu vực Châu Âu đã có diễn biến trái chiều, theo đó, đồng EUR đã giảm 0,67% so với đồng USD, sau khi tăng nhẹ vào tháng trước. Đồng tiền chung của khu vực đã ghi nhận 02 chuỗi giảm đáng chú ý từ ngày 1 – 6/4/2020 và từ ngày 13 – 23/4/2020 với mức giảm lớn nhất là 0,97%/ngày giao dịch vào ngày 2/4. Diễn biến thiếu tích cực của đồng EUR tiếp tục chịu ảnh hưởng bởi tình hình kinh tế ảm đạm trong khu vực, đặc biệt là xu hướng suy giảm của các nền kinh tế đầu tàu. Bên cạnh đó, các gói chính sách hỗ trợ kinh tế khu vực còn dè dặt so với nước Mỹ, đặc biệt là những vấn đề chi tiết về gói hỗ trợ của Liên minh đối với các nền kinh tế trong khu vực bị tàn phá bởi đại dịch vẫn chưa ngã ngũ⁴. Mặc dù vậy, đồng EUR cũng ghi nhận 09 ngày giao dịch tăng trong tháng 4 khi đồng USD giảm trên thị trường quốc tế, tình hình dịch bệnh có diễn biến tích cực tại các khu vực tâm dịch hay khi các nhà lãnh đạo Liên minh Châu Âu đã đồng ý tài trợ cho vấn đề phục hồi kinh tế sau những tác động từ đại dịch Covid - 19, đồng EUR đã có ngày giao dịch tăng mạnh nhất so với đồng USD là 0,91% vào ngày 7/4/2020.

Trái ngược với diễn biến thiếu tích cực của đồng EUR, đồng GBP đã có tháng tăng đầu tiên trong năm 2020, tăng 1,4% so với đồng USD. Trong tháng, đồng GBP có diễn biến tăng là chủ yếu, kéo dài liên tục trong khoảng 3 - 4 ngày giao dịch, ghi nhận mức tăng lớn hơn 1% vào ngày giao dịch cuối cùng của tháng. Xu hướng tích cực này được hỗ trợ mạnh mẽ bởi những nỗ lực đàm phán về thương mại với Liên minh Châu Âu hậu Brexit cũng như diễn biến hạ nhiệt của tình hình dịch bệnh. Tuy nhiên, đồng GBP cũng có 09 ngày giao dịch giảm trong tháng, ghi nhận mức giảm mạnh vào ngày 3/4 và ngày 21/4, lần lượt là 1,07% và 1,15%. Diễn biến này xuất hiện chủ yếu là do diễn biến tăng của đồng USD trên thị trường quốc tế, những thông tin kinh tế thiếu tích cực trước ảnh hưởng của dịch bệnh.

Kết thúc tháng, cặp tỷ giá EUR/USD giao dịch ở mức 1.0957, cặp tỷ giá GBP/USD giao dịch ở mức 1.2594.

Bên cạnh đó, 02 đồng tiền mạnh khác là đồng AUD và đồng CAD đã cùng tăng giá so với đồng USD và là diễn biến tăng đầu tiên kể từ đầu năm, trong đó, đồng AUD tăng 6,11%. Đồng AUD đã có một tháng diễn biến tốt nhất trong thời gian gần đây khi dịch bệnh được kiểm soát tốt và đặc biệt là những tín hiệu gia tăng của lạm phát trong bối cảnh giảm phát có nguy cơ tiềm tàng trên toàn cầu⁵, vì thế nhu cầu mua vào đồng tiền vốn nhạy cảm với rủi ro này đã tăng mạnh trên thị trường. Bên cạnh đó, đồng CAD cũng đã tăng nhẹ, ở mức 0,83% so với đồng USD bất chấp sự sụt giảm của giá dầu. Kết thúc tháng 4, cặp tỷ giá AUD/USD giao dịch ở mức 0.6511, cặp tỷ giá USD/CAD giao dịch ở mức 1.3944.

Đồng CNY và đồng JPY đều tăng giá so với đồng USD

Kết thúc tháng 4, cả hai đồng tiền mạnh tại khu vực Châu Á đều tăng so với đồng USD, theo đó đồng JPY đã kéo dài chuỗi tăng trong 4 tháng liên tiếp và đồng CNY đã tăng trở lại sau 02 tháng giảm.

Trong tháng 4, đồng JPY đã tăng 0,33% so với đồng USD, ghi nhận 02 chuỗi tăng liên tục từ ngày 9 – 14/4 và từ ngày 22 – 29/4 với tổng mức tăng lớn hơn

⁴ Thỏa thuận trị giá 500 triệu euro giữa các chính phủ khu vực Liên minh Châu Âu để hỗ trợ các nước chịu ảnh hưởng từ Covid - 19 được coi là không đủ, đặc biệt là đối với Ý

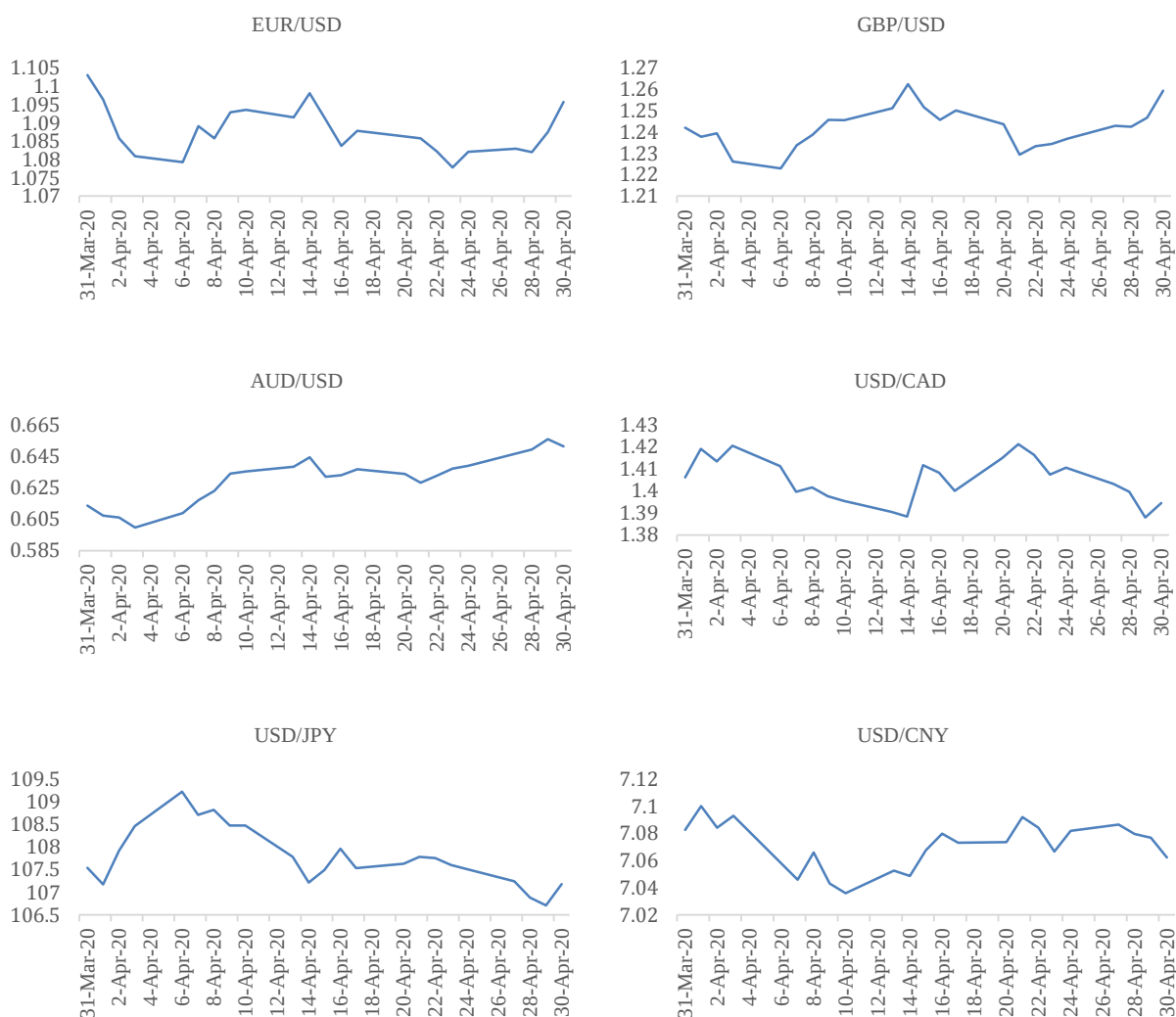
⁵ lạm phát đã tăng 2,2% trong ba tháng đầu năm, tốc độ tăng nhanh nhất kể từ quý III/2014, nằm trong mục tiêu phạm vi từ 2% đến 3% của ngân hàng trung ương

2%, mức tăng lớn nhất theo ngày giao dịch là 0,65%. Diễn biến tăng của đồng JPY tiếp tục được hỗ trợ bởi nhu cầu đầu tư tài sản an toàn và việc mở rộng các giải pháp hỗ trợ nền kinh tế từ NHTW trước ảnh hưởng của dịch bệnh. Tuy nhiên, trong tháng đồng JPY cũng có 09 ngày giao dịch giảm, đáng chú ý là mức giảm khoảng 0,7% vào ngày 2/4 và ngày 6/4, xu hướng giảm của đồng JPY cũng bị ảnh hưởng một phần khi Chính phủ công bố tình trạng khẩn cấp trước diễn biến của dịch Covid - 19 của nước Nhật.

Bên cạnh đó, đồng CNY cũng đã tăng hơn 0,28% so với đồng USD, duy trì mức giá trên ngưỡng 7.0 trong cả tháng. Đồng CNY chủ yếu có diễn biến tăng, giảm đan xen trong tháng, chuỗi tăng duy nhất bắt đầu từ ngày 28 cho đến hết tháng với tổng mức tăng lớn hơn 0,34%. Mặc dù các dữ liệu kinh tế của Trung Quốc đã suy giảm sau nhiều thập kỷ nhưng diễn biến của đồng CNY trong tháng 4 vẫn khá ổn định, diễn biến tích cực này được nâng đỡ bởi các giải pháp hỗ trợ thanh khoản của PBOC để vực dậy nền kinh tế sau tác động của dịch bệnh. Ngoài ra, diễn biến của đồng CNY trong tháng tiếp tục bị ảnh hưởng bởi diễn biến của đồng USD trên thị trường.

Kết thúc tháng, cặp tỷ giá USD/JPY giao dịch ở mức 107.18; cặp tỷ giá USD/CNY giao dịch ở mức 7.0622.

Diễn biến tỷ giá của các đồng tiền mạnh



Nguồn: investing.com

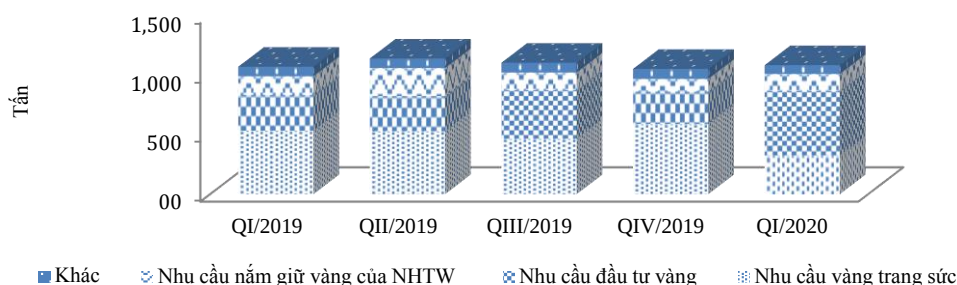
Diễn biến thị trường vàng

Vàng đã tăng giá mạnh nhất kể từ đầu năm

Kết thúc tháng 4, giá vàng đã tăng mạnh nhất, ở mức 7,24% đối với giá vàng giao ngay và 6,11% đối với giá vàng kỳ hạn. Trong tháng, giá vàng giao ngay đã có 02 chuỗi tăng giá đáng chú ý từ ngày 1 – 6/4 và từ ngày 9 – 14/4 với tổng mức tăng đã lớn hơn 10%, ghi nhận ngày tăng mạnh nhất lên đến 2,75% vào ngày 6/4. Đồng thời, giá vàng cũng đã vượt ngưỡng giá cao quan trọng 1.700 USD/ounce vào ngày 13/4 nhưng chỉ duy trì mức giá cao này liên tục từ ngày 24 – 29/4 trước khi giảm xuống ngưỡng trên 1.600 USD/ounce vào ngày giao dịch cuối cùng của tháng. Lực đẩy chính của giá vàng trong giai đoạn này chính là nhu cầu đầu tư gia tăng mạnh trong bối cảnh bất ổn bao trùm trên toàn cầu.

Theo Báo cáo của Hội đồng vàng thế giới - WGC, nhu cầu vàng toàn cầu trong quý I/2020 tăng 1% so với cùng kỳ năm ngoái, lên 1.083,8 tấn do lực mua tăng từ các quỹ đầu tư (ETF) nhằm tìm kiếm tài sản trú ẩn an toàn trong đại dịch. Các ETF mua vàng tăng 298 tấn trong 3 tháng đầu năm, đẩy tỷ lệ nắm giữ toàn cầu lên mức cao kỷ lục là 3.185 tấn. Trong khi đó, nhu cầu vàng từ các cầu phần khác đã sụt giảm mạnh do tác động của dịch bệnh, cụ thể đầu tư vàng thỏi giảm 6%, xuống còn 241,6 tấn; nhu cầu vàng trang sức giảm 39%, xuống còn 325,8 tấn, trong đó, diễn biến giảm mạnh đã xuất hiện tại Trung Quốc, Ấn Độ - 2 quốc gia có nhu cầu vàng trang sức lớn nhất thế giới; và nhu cầu vàng của các NHTW đã giảm khoảng 8%, đạt 145 tấn, trong quý I chỉ có 06 ngân hàng trung ương mua hơn 10 tấn vàng.

Nhu cầu vàng toàn cầu

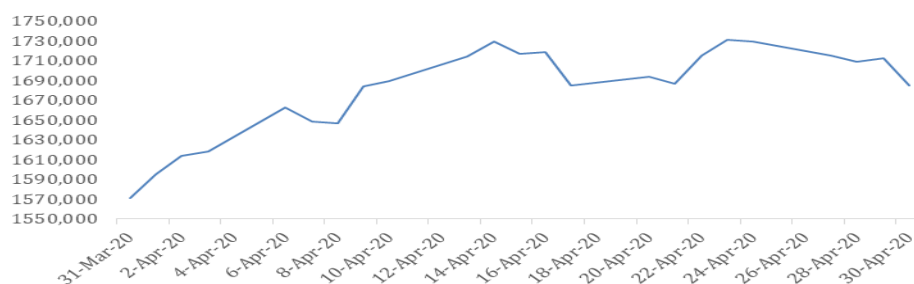


Nguồn: Hội đồng vàng thế giới

Bên cạnh đó, nguồn cung vàng trong quý I cũng sụt giảm 4% so với quý I/2019, còn 1.066,2 tấn. Các công ty khai thác phải ngừng sản xuất khi các Chính phủ cố gắng làm chậm sự lây lan của dịch bệnh, đóng cửa tất cả các doanh nghiệp không thiết yếu.

Kết thúc tháng 4, giá vàng giao ngay giao dịch ở mức 1.685,05 USD/ounce; giá vàng kỳ hạn giao dịch ở mức 1.694,2 USD/ounce.

Diễn biến giá vàng thế giới



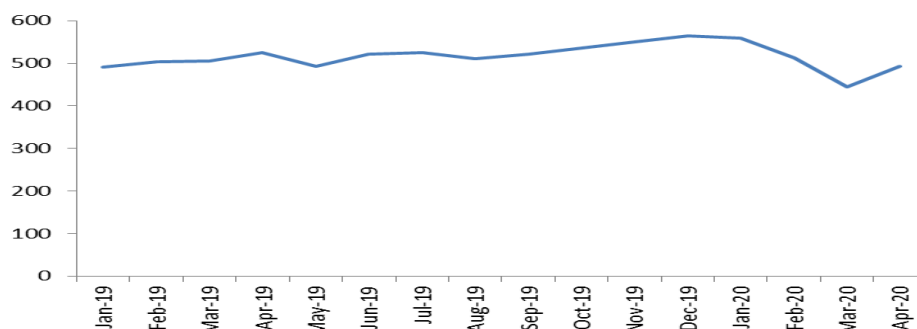
Nguồn: investing.com

Thị trường chứng khoán toàn cầu

Thị trường chứng khoán toàn cầu hồi phục trở lại từ mức giảm mạnh của tháng 3

Sau xu hướng giảm mạnh của tháng 3, thị trường chứng khoán toàn cầu đã hồi phục trở lại trong tháng 4. Sự phục hồi của thị trường trước hết đến từ tâm lý kỳ vọng của các nhà đầu tư về tình hình dịch bệnh đã chạm đỉnh và sau đó đến từ các gói kích thích kinh tế đã được Chính phủ các nước liên tục tung ra để giải quyết những hậu quả do sự đình đốn kinh tế thời gian qua mang lại. Kết thúc tháng 4, chỉ số MSCI ACWI đang ở mức 489,17 điểm, tăng 9,92% so với cuối tháng trước. Xu hướng tăng điểm được ghi nhận đồng đều trên các thị trường chứng khoán chủ chốt tại khắp các châu lục.

Diễn biến chỉ số MSCI ACWI



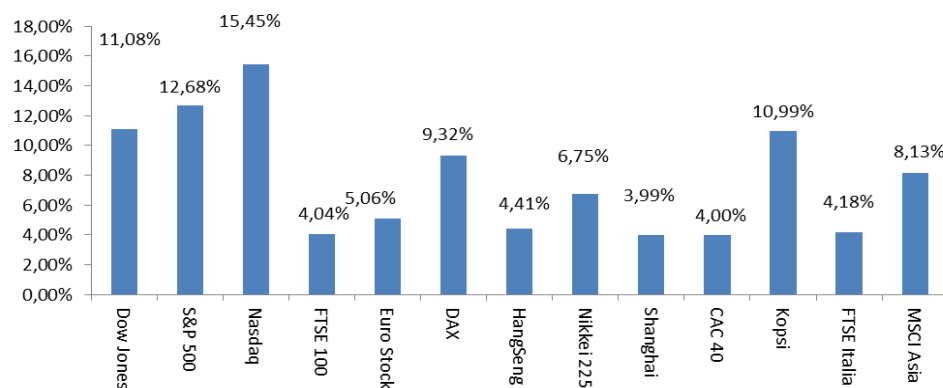
Nguồn: msci.com

Trên thị trường chứng khoán Mỹ, các chỉ số chính nhìn chung duy trì được xu hướng tăng điểm liên tục trong cả tháng nhờ các gói hỗ trợ của chính phủ Mỹ, trong đó bao gồm thông báo từ Fed về việc mở rộng chương trình cho vay dành cho nhóm doanh nghiệp Phố Wall. Bên cạnh đó, việc 236 công ty trong S&P 500 đã công bố kết quả kinh doanh, trong đó 2/3 trong số này hoạt động tốt hơn dự kiến cũng hỗ trợ cho tâm lý thị trường. Tuy nhiên, tại một số thời điểm các chỉ số chứng khoán Mỹ cũng có sự điều chỉnh giảm mạnh do tác động từ sự lao dốc của giá dầu WTI hoặc sau khi đón nhận các kết quả kinh tế vĩ mô quý I kém tích cực, trong đó đáng chú ý nhất là chuỗi điều chỉnh giảm liên tục trong 2 ngày 20 và 21/4 với tổng mức giảm lên đến gần 6%. Như vậy, kết thúc tháng 4, ba chỉ số chứng khoán chủ chốt trên thị trường chứng khoán Mỹ là Dow Jones, S&P500 và Nasdaq lần lượt đạt mức tăng 11,08%; 12,68% và 15,45% so với cuối tháng trước.

Chứng khoán châu Âu cũng lấy lại đà tăng tuy nhiên mức tăng không cao như thị trường chứng khoán Mỹ do diễn biến dịch bệnh tại khu vực vẫn còn phức tạp. Kết thúc tháng 4, chỉ số Euro Stock toàn khu vực đạt mức tăng 5,06% so với cuối tháng trước, trong đó thị trường chứng khoán Đức diễn biến tích cực nhất với mức tăng 9,32%. Các thị trường chủ chốt khác trong khu vực cũng đã tăng điểm trở lại như chỉ số CAC 40 của Pháp đạt mức tăng 4%, chỉ số FTSE 100 của Anh tăng 4,04%, chỉ số FTSE Italia tăng 4,18%,...

Tại Châu Á, chỉ số MSCI châu Á Thái Bình Dương đã tăng điểm trở lại với mức tăng 8,13% so với cuối tháng trước. Các thị trường chủ chốt đều duy trì mức tăng điểm tích cực như chỉ số Nikkei 225 của Nhật tăng 6,75%; chỉ số Shanghai của Trung Quốc tăng 3,99%; chỉ số Kopsi của Hàn Quốc tăng mạnh 10,99%; chỉ số HangSeng của Hồng Kông tăng 4,41%. Các thị trường chứng khoán tại khu vực Nam Á hay Đông Nam Á cũng đều lấy lại đà tăng tích cực, trong đó nhiều thị trường đạt mức tăng trên 10% như chỉ số BSE India tăng 14,79%; SET 50 Thái Lan tăng 15,41%, FTSE Taiwan tăng 11,82%.

Diễn biến các chỉ số chứng khoán chủ chốt trong tháng 4



Nguồn: Bloomberg

KINH TẾ TRONG NƯỚC

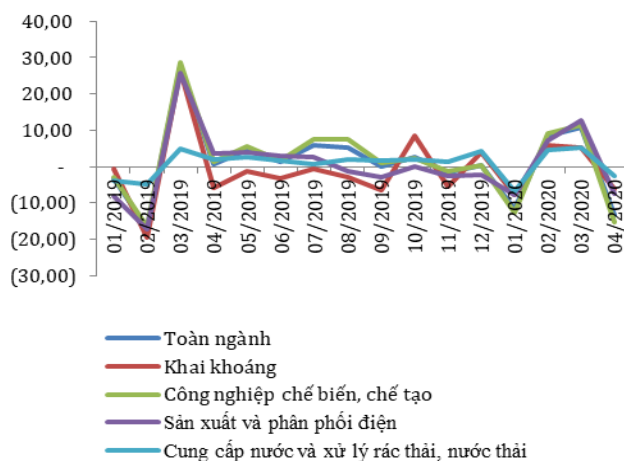
1. Tăng trưởng kinh tế

Sản xuất công nghiệp chịu ảnh hưởng mạnh bởi dịch Covid - 19

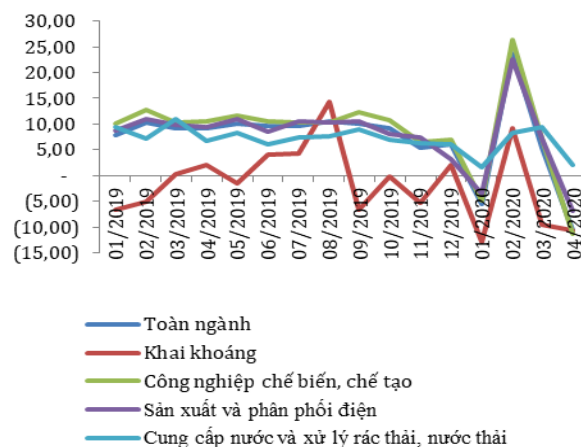
Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp – IIP trong tháng 4 ước giảm 13,3% so với tháng trước – tháng giảm mạnh thứ hai kể từ đầu năm⁶, trong đó, xu hướng giảm mạnh đã diễn ra đối với ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, đặc biệt là những nhóm ngành hàng chủ chốt.

Diễn biến giảm mạnh trong tháng 4 so với tháng trước đã làm cho IIP so với cùng kỳ ước tính giảm 10,5% - mức suy giảm duy nhất trong tháng 4 trong giai đoạn 5 năm vừa qua. Theo đó, ngành khai khoáng giảm 10,7%; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo giảm 11,3%; sản xuất và phân phối điện giảm 6,9%; cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 2%.

IIP so với tháng trước



IIP so với cùng kỳ



Nguồn: TCTK

Tính chung 4 tháng đầu năm, IIP ước tính tăng 1,8% so với cùng kỳ năm trước – mức tăng thấp nhất trong giai đoạn 2016 - 2020. Trong đó, xu hướng tăng thấp xuất hiện ở hầu hết các nhóm ngành, cụ thể, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 3%, đóng góp 2,5 điểm phần trăm vào mức tăng chung; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 2,9%, đóng góp 0,3 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 3,6%, đóng góp

⁶ Tháng 1/2020, IIP ước tính giảm 11,8 % so với tháng trước

0,1 điểm phần trăm; riêng ngành khai khoáng giảm 6,8%, làm giảm 1,1 điểm phần trăm trong mức tăng chung.

Trong nhóm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo một số ngành công nghiệp đã có mức giảm rất mạnh trong 4 tháng đầu năm, ví dụ như ngành đồ uống giảm 13,9%; khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên giảm 10,8%; sản xuất máy móc thiết bị chưa được phân vào đâu giảm 9,3%; ngành xe có động cơ giảm 14,2%; phương tiện vận tải khác giảm 13,8%; chế biến gỗ và các sản phẩm từ gỗ, tre,... giảm 8,8%. Trong khi đó, cũng xuất hiện những ngành có chỉ số sản xuất tăng khá so với cùng kỳ như sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu tăng 25,9%; sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế tăng 16,9% (sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế tăng 18%); khai thác quặng kim loại tăng 16,5%; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 9,7%; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 8,8%; sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất tăng 8,2%...

Diễn biến suy giảm của lĩnh vực sản xuất trong tháng 4 đã ảnh hưởng tiêu cực đến vấn đề việc làm khi phần lớn các doanh nghiệp phải cắt giảm lao động. Tính đến đầu tháng 4, số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp giảm 1,1% so với cùng thời điểm tháng trước và giảm 1,6% so với cùng thời điểm năm trước (cùng thời điểm năm 2019 tăng 2,3%), trong đó, lao động khu vực doanh nghiệp Nhà nước và doanh nghiệp ngoài Nhà nước cùng giảm 2,9%; doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài giảm 0,7%. Bên cạnh đó, số lao động làm việc trong các doanh nghiệp ngành khai khoáng giảm 3,2% so với cùng thời điểm năm trước; ngành chế biến, chế tạo giảm 1,6%.

Chỉ số Nhà quản trị mua hàng – PMI ở mức thấp chưa từng có

Những tác động tiêu cực của dịch bệnh lên lĩnh vực sản xuất cũng được thể hiện rõ thông qua chỉ số PMI khi chỉ số này chỉ đạt 32,7 điểm trong tháng 4 – giảm mạnh so với mức 41,9 điểm trong tháng 3 – ghi nhận các điều kiện kinh doanh đã xấu đi trong suốt ba tháng qua. Diễn biến thiếu tích cực tiếp tục xuất hiện trên tất cả các thành tố cấu thành PMI, trong đó đáng chú ý là:

+ Sản lượng và số lượng đơn đặt hàng mới giảm nghiêm trọng trong bối cảnh nhiều đơn hàng bị hủy, đặc biệt là các hàng xuất khẩu mới và các công ty ngừng hoạt động. Khoảng hai phần ba số người trả lời khảo sát cho biết sản lượng giảm trong tháng, tình trạng giảm được ghi nhận ở cả ba lĩnh vực được khảo sát, dẫn đầu là lĩnh vực sản xuất hàng hóa trung gian.

+ Khối lượng công việc tồn đọng giảm mạnh dẫn đến việc làm đã có tháng giảm mạnh nhất – kéo dài chuỗi giảm trong 2 tháng liên tiếp do các nhà sản xuất cắt giảm lực lượng lao động và nhân viên nghỉ việc.

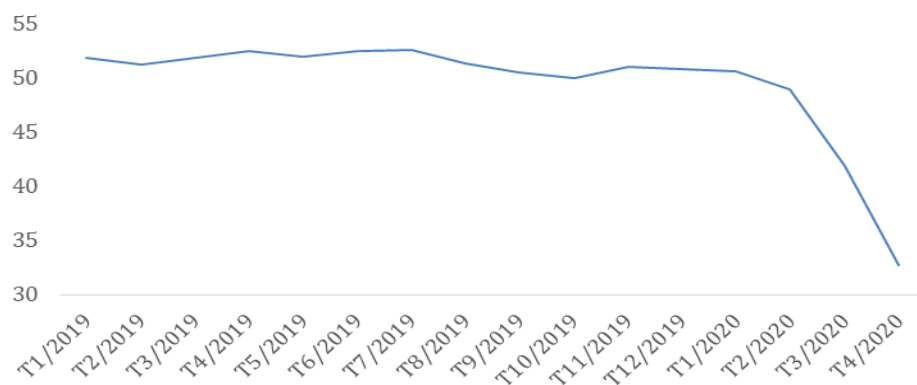
+ Hoạt động mua hàng, tồn kho hàng mua và tồn kho thành phẩm đều giảm mạnh.

+ Giá cả đầu vào giảm mạnh lần đầu tiên trong 16 tháng với mức giảm đáng kể và ở mức nhanh nhất kể từ tháng 9/2015, chủ yếu là do nhu cầu và giá đầu giảm.

+ Giá cả đầu ra tiếp tục giảm kéo dài thời kỳ giảm liên tục trong 3 tháng.

+ Lần đầu tiên trong lịch sử khảo sát tính đến thời điểm này, các công ty đã có thái độ tiêu cực về triển vọng sản xuất trong năm tới, trong tháng 4 có khoảng 40% số người trả lời khảo sát cho rằng triển vọng là tiêu cực.

Diễn biến chỉ số PMI



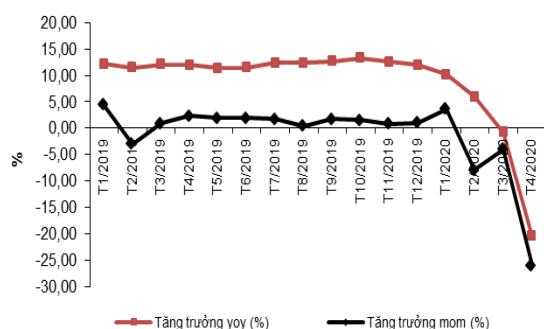
Nguồn: Nikkei

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng giảm mạnh

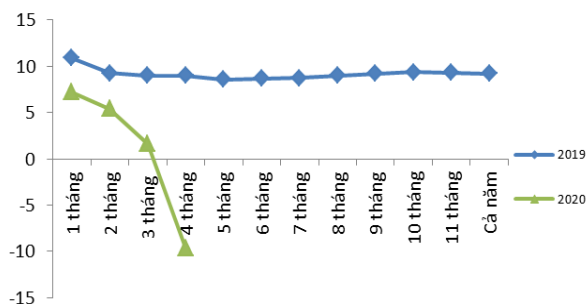
Dịch Covid - 19 diễn biến phức tạp tiếp tục ảnh hưởng tiêu cực tới hoạt động thương mại, dịch vụ trong tháng 4, khiến hoạt động mua sắm hàng hóa, chi tiêu của người tiêu dùng giảm mạnh, nhiều cơ sở lưu trú, ăn uống, lữ hành phải tạm đóng cửa trong thời gian giãn cách xã hội. Theo đó, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 4 ước tính đạt 293,9 nghìn tỷ đồng, giảm 20,5% so với tháng trước và giảm 26% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 4 tháng, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 1.520 nghìn tỷ đồng, giảm 4,3% so với cùng kỳ năm trước, nếu loại trừ yếu tố giá giảm 9,6% (cùng kỳ năm 2019 tăng 8,8%).

Xét theo ngành hoạt động, ngoại trừ doanh thu từ ngành bán lẻ vẫn duy trì được mức tăng nhẹ 0,4% so với cùng kỳ thì doanh thu từ 2 ngành dịch vụ lưu trú, ăn uống và du lịch, lữ hành đều giảm mạnh lần lượt 23,6% và 45,2% so với cùng kỳ.

Tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu DV TD so với tháng trước và cùng kỳ (%)



Tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đã loại trừ yếu tố giá (% yoy)



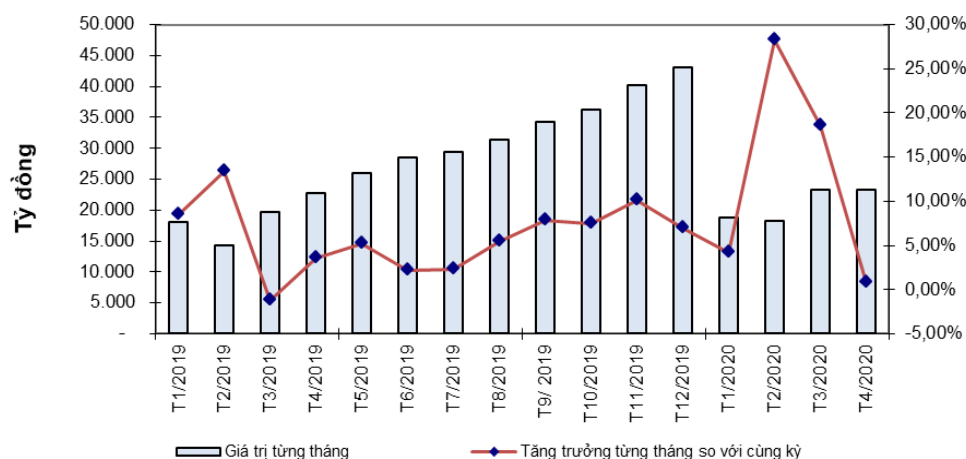
Nguồn: TCTK

Vốn từ nguồn NSNN thực hiện trong tháng 4 thấp hơn so với tháng trước

Diễn biến phức tạp của dịch Covid-19 đã ảnh hưởng đến tiến độ thi công các dự án, công trình trong tháng 4. Theo đó, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước tháng 4/2020 ước tính đạt 23,2 nghìn tỷ đồng, thấp hơn mức 23,4 nghìn tỷ đồng của tháng trước và tăng 0,8% so với cùng kỳ - mức tăng thấp nhất trong giai đoạn 2016-2020⁷.

⁷ Tốc độ tăng vốn thực hiện từ nguồn NSNN tháng 4 so với cùng kỳ năm trước các năm 2016-2020: năm 2016 tăng 13,7%; năm 2017 tăng 6,1%; năm 2018 tăng 8,6%; năm 2019 tăng 4,4%.

Tăng trưởng vốn đầu tư từ NSNN T1/2019 – T4/2020



Nguồn: TCTK

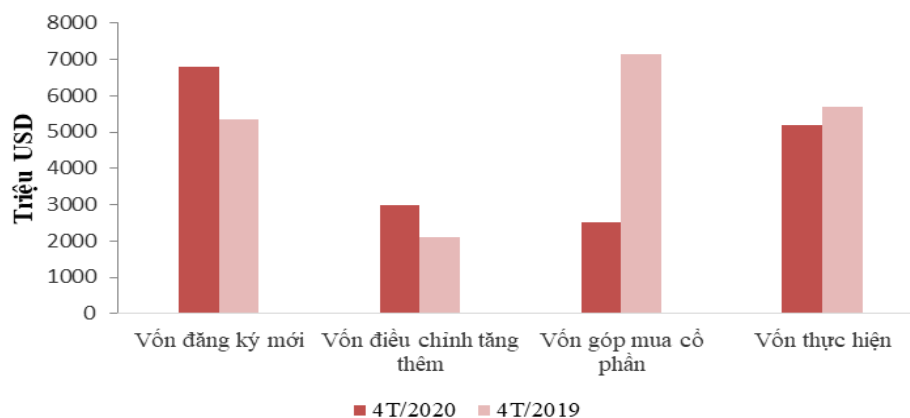
Tính chung 4 tháng đầu năm, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước đạt 83,7 nghìn tỷ đồng, bằng 18,1% kế hoạch năm và tăng 12,9% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2019 bằng 19,3% và tăng 4%). Trong đó, vốn Trung ương quản lý đạt 12,3 nghìn tỷ đồng, bằng 15,8% kế hoạch năm và tăng 32,3% so với cùng kỳ năm trước; vốn địa phương quản lý đạt 71,4 nghìn tỷ đồng, bằng 18,6% kế hoạch năm và tăng 10,1% so với cùng kỳ năm trước.

Vốn góp mua cổ phần và vốn đầu tư thực hiện qua 4 tháng tiếp tục giảm so với cùng kỳ

Tổng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam tính đến ngày 20/4/2020 bao gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 12,3 tỷ USD, giảm 15,5% so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể, số vốn đăng ký cấp mới đạt 6,8 tỷ USD, tăng 26,9% so với cùng kỳ năm trước; vốn điều chỉnh tăng thêm đạt 3 tỷ USD, tăng 45,6% so với cùng kỳ. Tuy nhiên, vốn góp mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài chỉ đạt gần 2,5 tỷ USD, giảm mạnh 65,3% so với cùng kỳ và là nguyên nhân chính khiến tổng lượng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam có sự sụt giảm qua 4 tháng.

Bên cạnh sự sụt giảm của cấu phần vốn góp mua cổ phần, vốn FDI thực hiện 4 tháng đầu năm ước tính đạt 5,2 tỷ USD, giảm 9,6% so với cùng kỳ năm trước.

Vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam 4 tháng năm 2019 và 4 tháng năm 2020

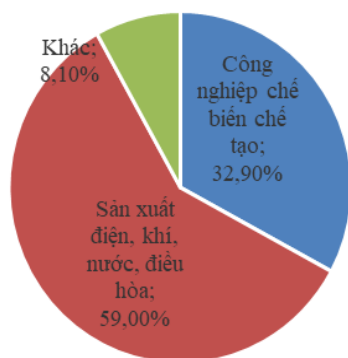


Nguồn: TCTK

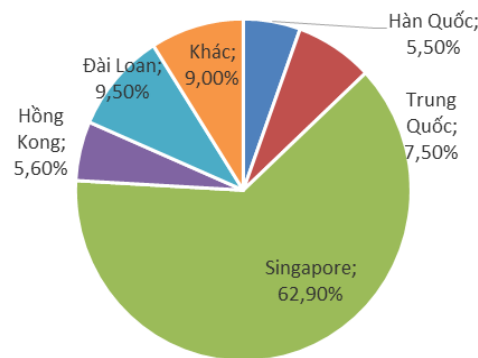
Xét theo lĩnh vực đầu tư, qua 4 tháng ngành sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí vẫn là ngành thu hút được lượng vốn đăng ký cấp mới lớn nhất, chiếm tỷ trọng 59% tổng lượng vốn đăng ký cấp mới; tiếp đến là ngành chế biến, chế tạo chiếm 32,9%; các ngành còn lại chiếm 8,1%.

Xét theo đối tác đầu tư, Singapore là đối tác đầu tư lớn nhất với tỷ trọng chiếm 62,9% tổng lượng vốn đầu tư cấp mới, tiếp theo là Đài Loan, Trung Quốc, Hàn Quốc, Hồng Kông và Nhật Bản.

Cơ cấu đầu tư theo ngành 4 tháng/2020



Cơ cấu đầu tư theo đối tác 4 tháng/2020



Nguồn: TCTK

Kim ngạch xuất nhập khẩu tháng 4 giảm so với tháng trước

Trong tháng 4, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước đạt 19,7 tỷ USD, giảm mạnh 18,4% so với tháng trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 6,35 tỷ USD, giảm 16,7%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 13,35 tỷ USD, giảm 19,1%. Sự sụt giảm mạnh của kim ngạch xuất khẩu tháng 4 phản ánh hoạt động xuất khẩu gặp khó khăn do việc tạm dừng xuất nhập khẩu tại nhiều thị trường lớn trước diễn biến phức tạp của dịch Covid – 19.

Tính chung 4 tháng, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước tính đạt 82,94 tỷ USD, tăng 4,7% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn mức tăng 5,8% của 4 tháng năm 2019. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 26,45 tỷ USD, tăng 12,1%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 56,49 tỷ USD, tăng 1,5%.

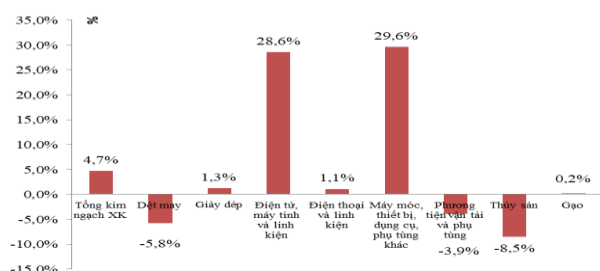
Qua 4 tháng có 15 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 80,1% tổng kim ngạch xuất khẩu. Một số mặt hàng xuất khẩu thuộc nhóm chế biến chế tạo vẫn duy trì được đà tăng⁸ nhưng một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực khác như dệt may, nguyên phụ liệu sản xuất và một số mặt hàng thuộc nhóm nông thủy sản⁹ kim ngạch xuất khẩu đã giảm so với cùng kỳ.

Kim ngạch xuất khẩu sang Mỹ đạt mức tăng 13,4% so với cùng kỳ qua 4 tháng, nhờ đó tiếp tục củng cố vị trí là thị trường xuất khẩu hàng đầu của Việt Nam. Trung Quốc tiếp tục giữ vững vị trí thị trường xuất khẩu lớn thứ 2 của Việt Nam với mức tăng mạnh 26,7%. Trong khi đó, kim ngạch xuất khẩu sang một số thị trường truyền thống khác như EU, Asean, Hàn Quốc lại giảm so với cùng kỳ.

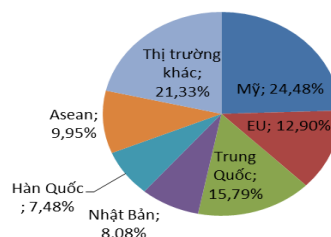
⁸ 4 tháng đầu năm 2020, điện thoại và linh kiện đạt 16,2 tỷ USD, tăng 1,1% so với cùng kỳ năm trước; điện tử, máy tính và linh kiện đạt 12,4 tỷ USD, tăng 28,6%; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng đạt 6,9 tỷ USD, tăng 29,6%; giày dép đạt 5,5 tỷ USD, tăng 1,3%; gỗ và sản phẩm gỗ đạt 3,4 tỷ USD, tăng 10,1%.

⁹ 4 tháng đầu năm 2020, hàng dệt may đạt 8,9 tỷ USD, giảm 5,8%; phương tiện vận tải và phụ tùng đạt 2,7 tỷ USD, giảm 3,9%; thủy sản đạt 2,2 tỷ USD, giảm 8,5%; sắt thép đạt 1,4 tỷ USD, giảm 4,7%; xơ, sợi dệt đạt 1,2 tỷ USD, giảm 11,5%; rau quả đạt 1,3 tỷ USD, giảm 8,7%; cao su đạt 403 triệu USD, giảm 27,5%;...

Tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu so với cùng kỳ của một số mặt hàng chủ lực 4T/2020



Cơ cấu xuất khẩu phân theo một số thị trường chủ chốt 4T/2020



Nguồn: TCTK

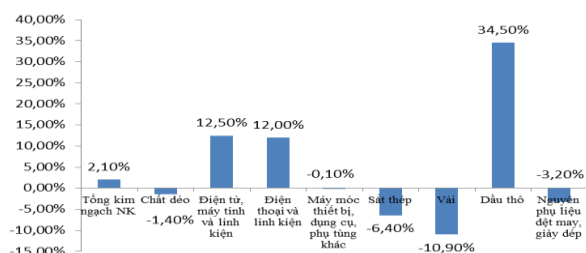
Trong tháng 4, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước tính đạt 20,4 tỷ USD, giảm 7,9% so với tháng trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 8,9 tỷ USD, giảm 3,3%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 11,5 tỷ USD, giảm 11,1%.

Tính chung 4 tháng đầu năm, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước tính đạt 79,89 tỷ USD, tăng 2,1% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn mức tăng 10,4% của 4 tháng đầu năm 2019. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 33,58 tỷ USD, tăng 1,1%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 46,31 tỷ USD, tăng 2,9%.

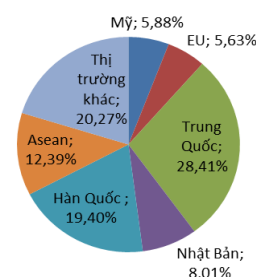
Trong số 17 mặt hàng nhập khẩu có giá trị trên 1 tỷ USD, một số mặt hàng vẫn giữ được tốc độ tăng cao so với cùng kỳ do nhu cầu nhập khẩu để phục vụ hoạt động xuất khẩu, tuy nhiên một số mặt hàng nguyên phụ liệu sản xuất tốc độ nhập khẩu đã giảm¹⁰. Kim ngạch nhập khẩu nhóm hàng tiêu dùng giảm 9,9% so với cùng kỳ năm ngoái, trong đó đáng chú ý là nhập khẩu ô tô giảm 22,4% so với cùng kỳ. Sự sụt giảm trong kim ngạch nhập khẩu của một số mặt hàng tư liệu sản xuất và nhóm hàng tiêu dùng phản ánh diễn biến chậm lại của hoạt động sản xuất và tiêu dùng trong nước trong những tháng gần đây do tác động của dịch bệnh.

Xét cơ cấu nhập khẩu theo các thị trường lớn, Việt Nam vẫn nhập khẩu lớn nhất từ Trung Quốc nhưng kim ngạch nhập khẩu giảm nhẹ 0,1% so với cùng kỳ năm trước. Nhập khẩu từ ASEAN cũng đã giảm 7,8% trong khi đó nhập khẩu từ các thị trường Mỹ, EU, Hàn Quốc, Nhật Bản vẫn duy trì đà tăng.

Tốc độ tăng kim ngạch nhập khẩu so với cùng kỳ của một số mặt hàng chủ lực 4T/2020



Cơ cấu nhập khẩu phân theo một số thị trường chủ chốt 4T/2020



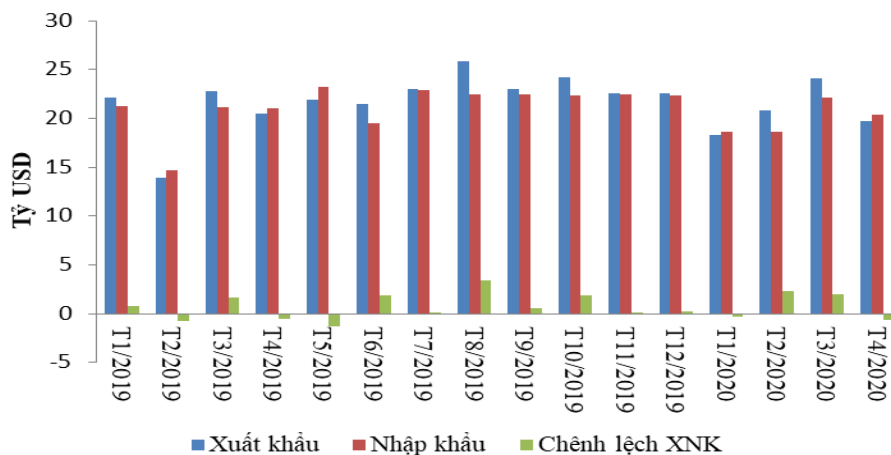
Nguồn: TCTK

¹⁰ Kim ngạch nhập khẩu một số mặt hàng chủ lực trong tháng 4/2020: Điện tử, máy tính và linh kiện đạt 17,8 tỷ USD, tăng 12,5% so với cùng kỳ; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng đạt 11,5 tỷ USD, giảm 0,1%; điện thoại và linh kiện đạt 4,3 tỷ USD, tăng 12%; vải đạt 3,6 tỷ USD, giảm 10,9%; sắt thép đạt 2,9 tỷ USD, giảm 6,4%; chất dẻo đạt 2,8 tỷ USD, giảm 1,4%; kim loại thường đạt 2 tỷ USD, giảm 2,1%; sản phẩm hóa chất đạt 1,9 tỷ USD, tăng 20,5%; ô tô đạt 1,9 tỷ USD, giảm 22,4%; nguyên phụ liệu dệt may, giày dép đạt 1,8 tỷ USD, giảm 3,2%; dầu thô đạt 1,8 tỷ USD, tăng 34,5%; hóa chất đạt 1,8 tỷ USD, tăng 5,4%; sản phẩm từ sắt thép đạt 1,3 tỷ USD, tăng 6,8%; than đá đạt 1,2 tỷ USD, giảm 0,9%; xăng dầu đạt 1,1 tỷ USD, giảm 40,5%; thức ăn gia súc và nguyên phụ liệu đạt 1,1 tỷ USD, giảm 16,1%.

Cán cân thương mại nhập siêu trong tháng 4

Cán cân thương mại hàng hóa tháng 4 ước tính nhập siêu 700 triệu USD, là tháng nhập siêu thứ 2 kể từ đầu năm đến nay sau tháng 1. Tính chung 4 tháng, cán cân thương mại ước xuất siêu 3 tỷ USD, trong đó khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 7,1 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 10,1 tỷ USD.

Diễn biến XK, NK và nhập siêu giai đoạn 1/2019 – 4/2020



Nguồn: TCTK

Một số VBPL chính sách quan trọng về kinh tế vĩ mô được ban hành trong tháng 4 năm 2020

Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24/4/2020 Quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19

Theo đó, người lao động bị chấm dứt hợp đồng lao động (HĐLĐ), hợp đồng làm việc (HĐLV) do dịch COVID-19 nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp sẽ được Chính phủ hỗ trợ nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- Thứ nhất, có giao kết HĐLĐ hoặc HĐLV trước ngày 01/4/2020 và đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc.
- Thứ hai, chấm dứt HĐLĐ, HĐLV trong thời gian từ 01/4/2020 - 15/6/2020 nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp.
- Thứ ba, không có thu nhập hoặc có thu nhập thấp hơn mức cận nghèo.

Bên cạnh đó, Quyết định cũng nêu rõ, người lao động không có giao kết hợp đồng lao động mà bị mất việc làm do dịch COVID-19 cũng được Nhà nước hỗ trợ nếu: mất việc làm và có thu nhập thấp hơn mức chuẩn cận nghèo; cư trú hợp pháp tại địa phương; làm một trong những công việc thuộc lĩnh vực phi nông nghiệp như bán hàng rong, buôn bán nhỏ lẻ không có địa điểm cố định, thu gom rác, bốc vác, vận chuyển hàng hóa, bán lẻ xổ số lưu động...

Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09/4/2020 về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid – 19

Theo đó, các đối tượng người lao động (NLĐ) sau đây sẽ được hỗ trợ tiền:

- NLĐ làm việc theo HĐLĐ phải thỏa thuận tạm hoãn thực hiện HĐLĐ, nghỉ việc không lương từ 01 tháng trở lên do doanh nghiệp gặp khó khăn bởi đại dịch, không có doanh thu, không có nguồn tài chính để trả lương: + Mức hỗ trợ là 1,8 triệu đồng/người/tháng. Thời gian hỗ trợ theo thời gian thực tế tạm hoãn thực hiện HĐLĐ, nghỉ việc không lương, theo hằng tháng tùy theo tình hình thực tế của diễn biến dịch, tính từ ngày 01/4/2020 và không quá 3 tháng.
- NLĐ bị chấm dứt HĐLĐ, hợp đồng làm việc nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp; NLĐ không có giao kết HĐLĐ bị mất việc làm: + Mức hỗ trợ là 01 triệu đồng/người/tháng theo hằng tháng tùy theo tình hình thực tế của diễn biến dịch nhưng tối đa không quá 3 tháng. Thời gian áp dụng từ tháng 4 đến tháng 6/2020.

Ngoài ra, một số đối tượng khác cũng được hỗ trợ tiền như người có công với cách mạng đang hưởng trợ cấp ưu đãi hằng tháng; đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng; hộ nghèo; hộ cận nghèo...

Chỉ thị 19/CT-TTg ngày 24/4/2020 Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 trong tình hình mới.

Quyết định số 711/QĐ-NHNN ngày 15/4/2020 Ban hành Kế hoạch hành động triển khai thực hiện Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 14 tháng 1 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam

Theo đó, mục tiêu của kế hoạch nhằm tạo môi trường pháp lý thuận lợi, hoàn thiện khuôn khổ chính sách nhằm thúc đẩy chuyển đổi số trong ngành ngân hàng; đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng công nghệ và phát triển đa dạng các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng số.

Kế hoạch bao gồm các nhiệm vụ và giải pháp xây dựng chính sách, giải pháp tạo thuận lợi cho các tổ chức tín dụng thực hiện chuyển đổi số và phát triển hoạt động ngân hàng số; xây dựng khung chính sách thử nghiệm có kiểm soát đối với các sản phẩm, dịch vụ đổi mới sáng tạo ứng dụng công nghệ số trong ngành ngân hàng; đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng công nghệ để chuyển đổi số, phát triển công nghệ số trong các tổ chức tín dụng.

Bên cạnh đó, kế hoạch cũng nêu rõ cần triển khai các giải pháp hỗ trợ như: xây dựng, triển khai thông tin, tuyên truyền về cơ chế chính sách, định hướng thúc đẩy đổi mới sáng tạo và ứng dụng công nghệ số trong ngành ngân hàng

Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 27/4/2020 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030

Trong danh mục một số đề án, nhiệm vụ ban hành kèm theo Chương trình hành động của Chính phủ tại Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 27/4/2020 của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được Chính phủ giao triển khai thực hiện một số nhiệm vụ: Hàng năm, thực hiện việc tiếp tục rà soát, hoàn thiện cơ chế theo dõi, quản lý dòng vốn bằng tiền chuyển vào Việt Nam và chuyển từ Việt Nam ra nước ngoài; Chủ trì thực hiện hoàn thiện đồng bộ các quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối theo hướng phân định rõ giữa đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp, tương thích với Luật Đầu tư, Luật Chứng khoán và báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong thời hạn năm 2019-2020...

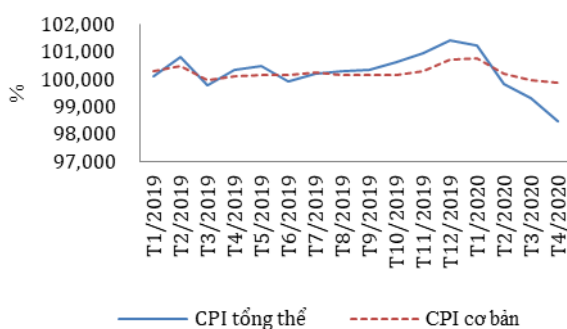
2. Lạm phát

Chỉ số giá tiêu dùng tháng 4 đã giảm so với tháng trước

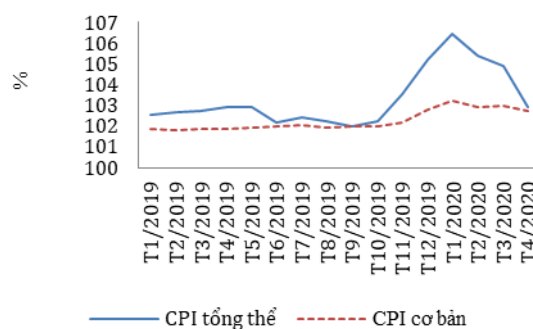
Chỉ số giá tiêu dùng tháng 4/2020 giảm 1,54% so với tháng trước, tăng 2,93% so với cùng kỳ năm trước, CPI bình quân 4 tháng đầu năm tăng 4,9% so với cùng kỳ năm 2019 - mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2016-2020.

Bên cạnh đó, lạm phát cơ bản giảm 0,15% so với tháng trước và tăng 2,71% so với cùng kỳ năm 2019. Lạm phát cơ bản bình quân 4 tháng đầu năm nay tăng 2,96% so với bình quân cùng kỳ năm 2019. Diễn biến giảm của CPI trong tháng là do những tác động của đại dịch Covid 19 đang tác động mạnh tới kinh tế toàn cầu. Đồng thời, ở trong nước việc thực hiện Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 31/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch Covid-19 trong nước cũng tác động tới xu hướng giảm của nhóm hàng phi lương thực, thực phẩm.

CPI so với tháng trước (%)



CPI bình quân so với cùng kỳ (%)



Nguồn: TCTK

Trong tháng 4, có 6/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ chủ yếu có chỉ số giá giảm so với tháng trước với những diễn biến đáng chú ý như sau:

- CPI nhóm giao thông có mức giảm mạnh nhất 13,86% so với tháng trước, nguyên nhân do ảnh hưởng của 02 đợt điều chỉnh giảm giá xăng, dầu¹¹ làm chỉ số giá xăng, dầu giảm 28,48%, tác động làm CPI chung giảm 1,18%. Bên cạnh đó, việc một số mặt hàng liên quan đến nhóm giao thông giảm giá¹² và việc giá vé một số phương tiện giao thông cũng giảm do nhu cầu đi lại bị hạn chế (giá vé ô tô khách giảm 0,2%; giá vé taxi giảm 0,74%) trong bối cảnh thực hiện giãn cách xã hội để phòng chống dịch cũng tác động đến diễn biến giảm của nhóm hàng này.

- CPI nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng giảm 2,33% so với tháng trước chủ yếu do nhiều hộ gia đình giảm giá thuê nhà ở để hỗ trợ người tiêu dùng trong tình hình dịch bệnh nên giá thuê nhà ở giảm 0,97%; giá nhóm vật liệu bảo dưỡng nhà ở giảm 0,27%; giá gas giảm 19,74% (làm CPI chung giảm 0,24%) và giá dầu hỏa giảm 29,97%.

- CPI nhóm văn hóa, giải trí và du lịch giảm 0,4% so với tháng trước do nhu cầu đi du lịch giảm mạnh¹³.

- Một số nhóm khác như nhóm may mặc, giày dép và mũ nón giảm 0,17%; hàng hóa và dịch vụ khác giảm 0,13%; bưu chính viễn thông giảm 0,02%.

Ngoài một số mặt hàng giảm giá, trong tháng cũng có một số mặt hàng có chỉ số giá tăng gồm: nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,66% (trong đó: lương thực tăng 2,09%¹⁴; thực phẩm tăng 0,62%¹⁵; ăn uống ngoài gia đình tăng 0,05%); nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 0,13%; nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,06%; nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,03% do nhu cầu về một số loại vật tư y tế, thuốc phòng và chữa bệnh tăng. Và CPI của nhóm giáo dục không thay đổi so với tháng trước.

Một số VBPL chính sách quan trọng về điều hành giá cả được ban hành trong tháng 4 năm 2020

Công văn số 2587/BCT-TTTN ngày 13/4/2020 của Bộ Công Thương về việc điều hành kinh doanh xăng dầu

Điều chỉnh giá xăng dầu: Xăng E5 RON 92: giảm 613 đồng/lít; Xăng RON 95-III: giảm 621 đồng/lít; Dầu diesel 0.05S: giảm 436 đồng/lít; Dầu hỏa: giảm 502 đồng/lít; Dầu mazut 180CST 3.5S: giảm 126 đồng/kg.

Công văn số 3006/BCT-TTTN ngày 28/4/2020 của Bộ Công Thương về việc điều hành kinh doanh xăng dầu

Điều chỉnh giá xăng dầu: Xăng E5 RON 92: giảm 401 đồng/lít; Xăng RON 95-III: giảm 308 đồng/lít; Dầu diesel 0.05S: giảm 882 đồng/lít; Dầu hỏa: giảm 674 đồng/lít; Dầu mazut 180CST 3.5S: giảm 657 đồng/kg.

3. Thu chi ngân sách Nhà nước

Thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất nhập khẩu đã giảm về mặt giá trị so với cùng kỳ

Tổng thu ngân sách Nhà nước từ đầu năm đến thời điểm 15/4/2020 ước tính đạt 427,2 nghìn tỷ đồng, bằng 28,2% dự toán năm, trong đó thu nội địa đạt 351,6 nghìn tỷ đồng, bằng 27,8%; thu từ dầu thô đạt 17,3 nghìn tỷ đồng, bằng 49,1%; thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất, nhập khẩu đạt 58 nghìn tỷ đồng, bằng 27,9%, xét về mặt giá trị đã giảm so với cùng kỳ do hoạt động xuất nhập khẩu

¹¹ 29/3/2020 và 13/4/2020

¹² Trong đó: giá ô tô giảm 0,46%; giá xe máy giảm 0,14%; giá phụ tùng ô tô giảm 0,12%; bảo dưỡng phương tiện đi lại giảm 0,05%

¹³ Giá các tour du lịch trong nước giảm 0,9%; du lịch ngoài nước giảm 1,02%; giá khách sạn, nhà nghỉ giảm 0,18%

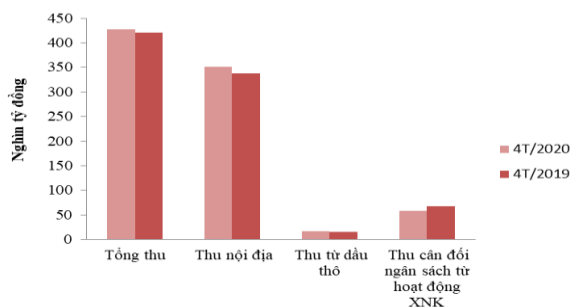
¹⁴ Chủ yếu do nhu cầu tiêu dùng, dự trữ gạo của người dân và giá gạo xuất khẩu tăng, giá gạo tháng 4/2020 tăng 2,51% so với tháng trước

¹⁵ Trong đó: giá thịt lợn tăng 1,62%; giá thịt bò tăng 0,55%; giá thịt chế biến tăng 1,04%; giá trứng tăng 1,48%, giá các loại đậu và hạt tăng 1,1%, giá các loại rau tươi tăng 3,54%; giá thủy sản chế biến tăng 1,4%

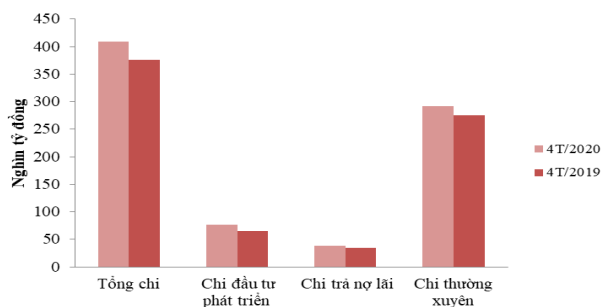
gặp khó khăn trong thời gian gần đây¹⁶.

Tổng chi ngân sách Nhà nước từ đầu năm đến thời điểm 15/4/2020 ước tính đạt 408,5 nghìn tỷ đồng, bằng 23,4% dự toán năm, trong đó chi thường xuyên đạt 291,6 nghìn tỷ đồng, bằng 27,6%; chi đầu tư phát triển 76,6 nghìn tỷ đồng, bằng 16,3%; chi trả nợ lãi 38,6 nghìn tỷ đồng, bằng 32,7%. Như vậy, điểm tích cực là chi đầu tư phát triển tiếp tục có sự cải thiện so với cùng kỳ năm trước cả về giá trị cũng như về tỷ lệ so với dự toán, trong khi 2 cấu phần chi còn lại vẫn ở mức hợp lý phục vụ cho các nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, y tế, quản lý Nhà nước và thanh toán các khoản nợ đến hạn¹⁷.

Thu NSNN 4T/2020 và 4T/2019



Chi NSNN 4T/2020 và 4T/2019

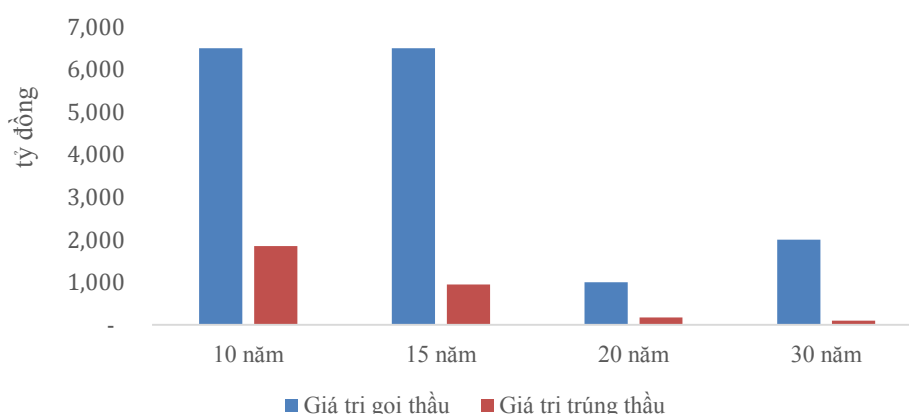


Nguồn: TCTK

Tháng 4/2020, Kho bạc Nhà nước huy động thành công 3.070 tỷ đồng trái phiếu Chính phủ qua đấu thầu với tổng giá trị gọi thầu là 16.500 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 18,6%, thấp hơn nhiều so với tỷ lệ 51,16% của tháng trước. Tỷ lệ trúng thầu cao nhất tập trung ở kỳ hạn 10 năm.

Kết thúc tháng 4, lãi suất trúng thầu của trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 10 năm trong khoảng 2,28 – 2,5%/năm, 15 năm trong khoảng 2,63 – 2,85%/năm, 20 năm trong khoảng 3 – 3,1%/năm, 30 năm là 3,1%/năm.

Giá trị trúng thầu và gọi thầu qua các kỳ hạn trong tháng 4



Nguồn: hnx.vn

¹⁶ Tổng thu ngân sách Nhà nước từ đầu năm đến thời điểm 15/4/2019 ước tính đạt 421 nghìn tỷ đồng, bằng 29,8% dự toán năm, trong đó thu nội địa 337,3 nghìn tỷ đồng, bằng 28,7%; thu từ đầu thô 15,3 nghìn tỷ đồng, bằng 34,4%; thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất, nhập khẩu 67,7 nghìn tỷ đồng, bằng 35,8%.

¹⁷ Tổng chi ngân sách Nhà nước từ đầu năm đến thời điểm 15/4/2019 ước tính đạt 376,4 nghìn tỷ đồng, bằng 23% dự toán năm, trong đó chi thường xuyên đạt 274,8 nghìn tỷ đồng, bằng 27,5%; chi đầu tư phát triển 65,3 nghìn tỷ đồng, bằng 15,2%; chi trả nợ lãi 35,1 nghìn tỷ đồng, bằng 28,1%.

Một số VBPL chính sách quan trọng điều tiết khu vực tài chính ngân sách được ban hành trong tháng 4 năm 2020

Quyết định 474/QĐ-BTC ngày 7/4/2020 về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2020

Theo đó, điều chỉnh dự toán chi Ngân sách Nhà nước năm 2020 tại Kho bạc Nhà nước theo hướng giảm hơn 2.024 tỷ đồng trong mục Chi khác chuyển sang nhiệm vụ Chi đầu tư xây dựng (nhóm Kinh phí không thực hiện tự chủ).

Bên cạnh đó, điều chỉnh dự toán chi Ngân sách Nhà nước năm 2020 tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo hướng giảm hơn 62 tỷ đồng trong mục Chi khác chuyển sang nhiệm vụ Chi đầu tư xây dựng (nhóm Kinh phí không thực hiện tự chủ).

Ngoài ra, Bộ Tài chính cũng quyết định giảm 20 tỷ đồng trong mục Chi khác chuyển sang nhiệm vụ Chi đầu tư xây dựng (nhóm Kinh phí hoạt động không thường xuyên) trong dự toán chi Ngân sách Nhà nước năm 2020 của Học viện Tài chính.

Thông tư 23/2020/TT-BTC ngày 13/4/2020 quy định tạm ứng, vay ngân quỹ Nhà nước của ngân sách Nhà nước

Theo đó, thời hạn vay ngân quỹ Nhà nước của ngân sách trung ương do Bộ Tài chính quyết định nhưng tối đa là 12 tháng, kể từ ngày Hợp đồng cho vay ngân quỹ Nhà nước có hiệu lực. Đối với các khoản vay ngân quỹ Nhà nước, thời hạn rút vốn chậm nhất là ngày 31/12 của năm phát sinh khoản vay. Sau thời hạn này, khoản vay ngân quỹ Nhà nước sẽ hết hạn rút vốn và bị hủy bỏ.

Ngoài ra, việc hoàn trả khoản vay ngân quỹ Nhà nước cũng có thể được xem xét gia hạn trong trường hợp ngân sách trung ương có khó khăn, chưa bố trí được nguồn để hoàn trả. Thời gian gia hạn tối đa là 12 tháng, kể từ ngày đến hạn hoàn trả khoản vay theo quy định tại Hợp đồng cho vay ngân quỹ Nhà nước. Việc đề nghị gia hạn khoản vay này phải được tiến hành trước ngày đến hạn hoàn trả ít nhất 20 ngày làm việc.

Quyết định 515/QĐ-TTg ngày 15/4/2020 về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2016-2020 của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương

Theo đó, Thủ tướng quyết định điều chỉnh giảm 21,315 tỷ đồng kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2016-2020 của các dự án được giao kế hoạch đầu tư trung hạn và điều chỉnh tăng 101,961 tỷ đồng cho các dự án nội bộ của Bộ Tư pháp, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng Chính sách xã hội và tỉnh Sóc Trăng.

Ngoài ra, điều chỉnh tăng 676,032 tỷ đồng từ nguồn vốn dự phòng 10% vốn ngân sách trung ương tại các bộ, cơ quan trung ương và địa phương cho các dự án của các bộ, cơ quan: Tư pháp, Xây dựng, Giao thông Vận tải, Giáo dục và Đào tạo, Tòa án nhân dân....

Đồng thời giao chi tiết 6.278,814 tỷ đồng cho dự án của các bộ, cơ quan: Quốc phòng, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông Vận tải; Tòa án nhân dân tối cao; Hội nhạc Sỹ Việt Nam và các tỉnh Đắk Lắk, Yên Bái, Lâm Đồng, Nghệ An, Ninh Bình, Quảng Ninh.

Công văn số 1957/KBNN-QLNQ ngày 17/4/2020 về kế hoạch phát hành trái phiếu Chính phủ trong quý II năm 2020

Theo công văn này, Tổng mức phát hành trong Quý II năm 2020 là 60.000 – 70.000 tỷ đồng. Khối lượng dự kiến chi tiết theo kỳ hạn như sau: Kỳ hạn 5 năm: 3.000 – 4.000 tỷ đồng; Kỳ hạn 7 năm: 3.000 – 4.000 tỷ đồng; Kỳ hạn 10 năm: 22.000 – 25.000 tỷ đồng; Kỳ hạn 15 năm: 22.000 – 25.000 tỷ đồng; Kỳ hạn 20 năm: 5.000 – 6.000 tỷ đồng; Kỳ hạn 30 năm: 5.000 – 6.000 tỷ đồng.

4. Tình hình doanh nghiệp

Số doanh nghiệp thành lập mới

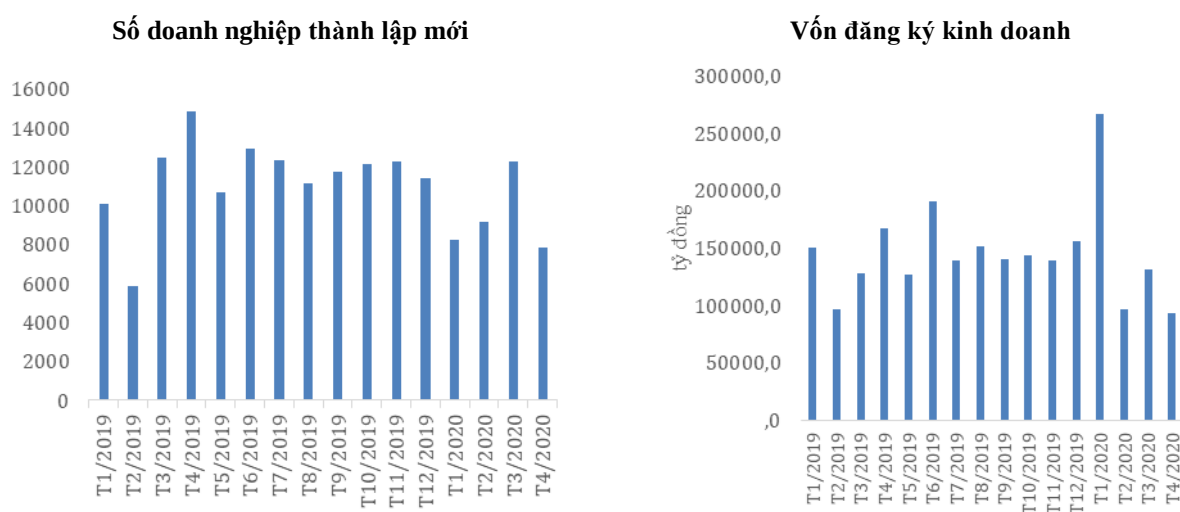
Trong tháng 4, số doanh nghiệp thành lập mới là 7.885 nghìn doanh nghiệp với số vốn đăng ký là 93,9 nghìn tỷ đồng, giảm 35,7% về số doanh nghiệp và giảm 28,6% về số vốn đăng ký so với tháng trước. Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới trong tháng đạt 11,9 tỷ đồng, tăng 11,2% so với tháng trước và tăng 5,9% so với cùng kỳ năm trước.

Trong 4 tháng đầu năm 2020, cả nước có 37,6 nghìn doanh nghiệp thành lập mới với số vốn đăng ký là 445,2 nghìn tỷ đồng, giảm 13,2% về số doanh nghiệp và giảm 17,9% về số vốn đăng ký so với cùng kỳ năm trước. Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới trong 4 tháng đạt 11,8 tỷ đồng, giảm

5,5% so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, trong 4 tháng đầu năm đã có 17,8 nghìn doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, tăng 2,1% so với cùng kỳ năm trước.

Nếu tính theo khu vực kinh tế, trong 4 tháng đầu năm nay có 558 doanh nghiệp thành lập mới thuộc khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, giảm 6,2% so với cùng kỳ năm trước; có 10,5 nghìn doanh nghiệp thuộc khu vực công nghiệp và xây dựng, giảm 10,7%; có 26,5 nghìn doanh nghiệp thuộc khu vực dịch vụ, giảm 14,3%.

Trong tất cả các ngành, lĩnh vực hoạt động có duy nhất ngành sản xuất phân phối điện, nước, gas có số doanh nghiệp thành lập mới tăng với mức tăng 40,5% so với cùng kỳ năm trước. Các ngành còn lại đều có số doanh nghiệp thành lập mới giảm giao động từ 3,7 – 38,4%.



Nguồn: TCTK

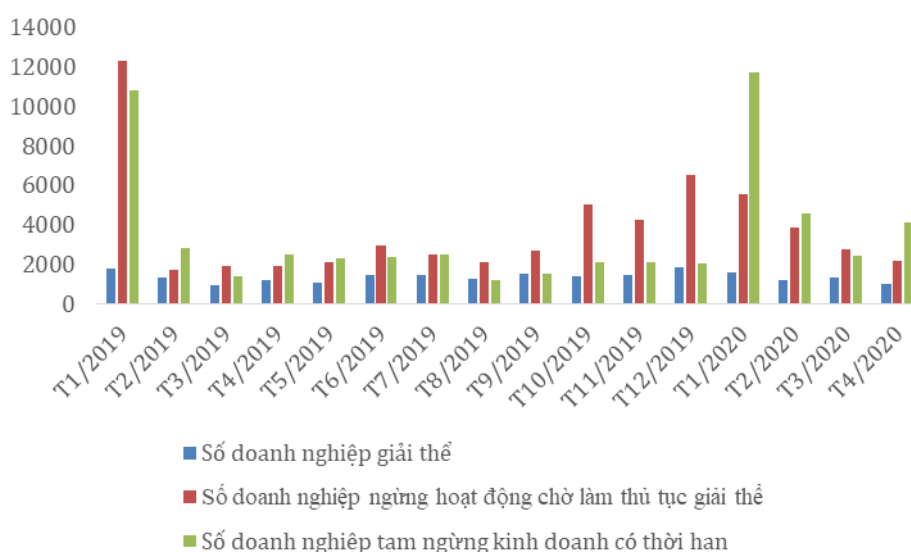
Số doanh nghiệp giải thể, ngừng đăng ký và tạm ngừng đăng ký kinh doanh

Trong tháng 4, trên cả nước có 4.121 nghìn doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, tăng 68,1% so với tháng trước. Đồng thời cũng có 2.166 nghìn doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể, giảm 22,2% so với tháng trước và có 980 doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, giảm 25,5% so với tháng trước.

Tính chung 4 tháng, Số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn là 22,7 nghìn doanh nghiệp, tăng 33,6% so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, số doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể gần 14 nghìn doanh nghiệp giảm 19,2%; Số doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể là 5,1 nghìn doanh nghiệp, giảm 3,8% so với cùng kỳ năm trước, trong đó có gần 4,6 nghìn doanh nghiệp có quy mô vốn dưới 10 tỷ đồng, giảm 4,5%.

Các doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể tập trung chủ yếu ở các lĩnh vực: bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, xe máy có 1,9 nghìn doanh nghiệp; công nghiệp chế biến, chế tạo có 599 doanh nghiệp; xây dựng có 425 doanh nghiệp; khoa học, công nghệ, dịch vụ tư vấn thiết kế, quảng cáo và chuyên môn khác có 312 doanh nghiệp; dịch vụ lưu trú và ăn uống có 302 doanh nghiệp; dịch vụ việc làm, du lịch, cho thuê máy móc thiết bị, đồ dùng, các dịch vụ hỗ trợ khác và kinh doanh bất động sản đều có 279 doanh nghiệp; vận tải, kho bãi và giáo dục, đào tạo đều có 202 doanh nghiệp; thông tin truyền thông có 190 doanh nghiệp.

Tình hình giải thể, ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể và tạm ngừng kinh doanh có thời hạn theo tháng



Nguồn: TCTK

III. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ, CHỨNG KHOÁN

Một số VBPL chính sách quan trọng điều tiết hoạt động trên thị trường tiền tệ, ngân hàng được ban hành trong tháng 4 năm 2020

Công điện số 04/CĐ-NHNN ngày 16/4/2020 về việc tiếp tục thực hiện các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch Covid-19

Công văn số 3054/NHNN – TT ngày 28/4/2020 về việc miễn phí chuyển tiền hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid -19

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid – 19 theo Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09/4/2020 và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24/4/2020, NHNN yêu cầu các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện một số nội dung:

- Miễn phí dịch vụ thanh toán cho các đối tượng nhận hỗ trợ thông qua phương thức chi trả trực tiếp tới tài khoản theo Nghị quyết số 42/NQ-CP và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg.
- Miễn phí đối với các giao dịch chuyển tiền qua tài khoản tiền gửi của Ngân hàng chính sách xã hội tại tổ chức tín dụng khi thực hiện việc chuyển tiền cho vay người sử dụng lao động để trả tiền lương ngừng việc cho người lao động theo Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

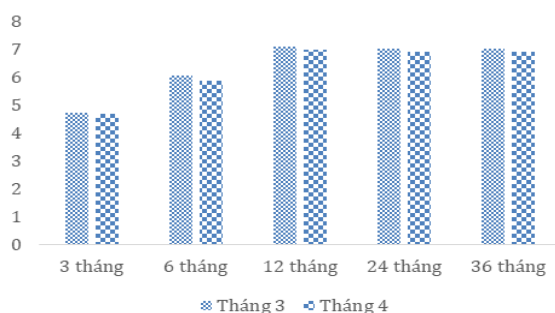
Lãi suất huy động tiếp tục giảm

Bước sang tháng 4/2020, lãi suất huy động trong khối các NHTM tiếp tục giảm ở hầu hết các kỳ hạn. Trong khối NHTM có vốn sở hữu của Nhà nước, lãi suất huy động của 04 ngân hàng lớn đã giảm 0,05 – 0,2 điểm phần trăm đối với lãi suất huy động kỳ hạn 3 tháng và 0,2 – 0,5 điểm phần trăm đối với lãi suất huy động kỳ hạn từ 6 tháng trở lên. Bên cạnh đó, đã có 15 NHTM CP giảm lãi suất trong số 28 NHTM CP khảo sát, diễn biến giảm xuất hiện chủ yếu ở các kỳ hạn dài, cụ thể giảm trong khoảng từ 0,05 – 0,3 điểm phần trăm đối với lãi suất huy động kỳ hạn 6 tháng và giảm từ 0,1 – 0,3 điểm phần trăm đối với lãi suất huy động từ 12 – 36 tháng. Mặc dù vậy, trong tháng cũng đã có 04 NHTM CP¹⁸ điều chỉnh tăng khoảng 0,1 điểm phần trăm xuất hiện tại một số kỳ hạn để đảm bảo phù hợp với mặt bằng lãi suất chung.

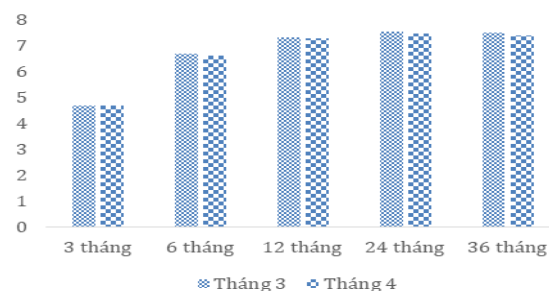
¹⁸ NHTM CP Sài Gòn Thương tín; NHTM CP Quốc Tế; NHTM CP An Bình; NHTM CP Tiên Phong.

Tính đến thời điểm cuối tháng, lãi suất huy động trong khối Big 4 niêm yết ở mức 4,5% – 4,7%/năm đối với lãi suất huy động kỳ hạn 3 tháng; 4,9% – 5,1%/năm đối với lãi suất huy động kỳ hạn 6 tháng và 6,3% – 6,8%/năm đối với lãi suất huy động kỳ hạn từ 12 tháng trở lên. Và lãi suất huy động trong khối NHTM CP niêm yết giao động ở mức 4,5% – 4,75%/năm đối với lãi suất huy động kỳ hạn 3 tháng; 5,1% – 7,5%/năm đối với lãi suất huy động kỳ hạn 6 tháng và 6,1% – 8,3%/năm đối với lãi suất huy động kỳ hạn từ 12 tháng trở lên.

Diễn biến lãi suất huy động bình quân của Khối NHTM có vốn sở hữu của Nhà nước (%)



Diễn biến lãi suất huy động bình quân của Khối NHTM Cổ phần (%)



Nguồn: tổng hợp

Ngay sau khi Chỉ thị số 02/CT-NHNN về các giải pháp cấp bách của ngành Ngân hàng nhằm tăng cường phòng, chống và khắc phục khó khăn do tác động của dịch bệnh Covid-19 được ban hành, đầu tháng 4/2020 đã có khoảng 20 ngân hàng thông báo giảm mạnh lãi suất cho vay, trong khoảng 0,5 – 2,5 điểm phần trăm - đây là mức giảm mạnh nhất trong một lần điều chỉnh lãi suất của hệ thống ngân hàng.

Kết thúc tháng 4, mặt bằng lãi suất cho vay VND phổ biến ở mức 6,0-9,0%/năm đối với ngắn hạn; 9,0-11%/năm đối với trung và dài hạn. Lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng đồng VND đối với một số ngành lĩnh vực ở mức 5,5%/năm.

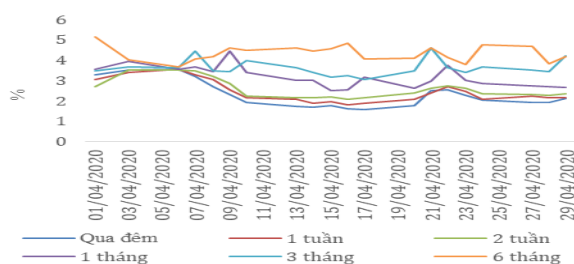
Bên cạnh đó, lãi suất cho vay USD giảm ở tất cả các kỳ hạn trong khoảng từ 0,2 – 0,3 điểm phần trăm. Hiện lãi suất cho vay USD phổ biến ở mức 3,0-6,0%/năm; trong đó lãi suất cho vay ngắn hạn phổ biến ở mức 3,0-4,5%/năm, lãi suất cho vay trung, dài hạn ở mức 4,2-6,0%/năm.

Lãi suất liên ngân hàng đã giảm ở hầu hết các kỳ hạn

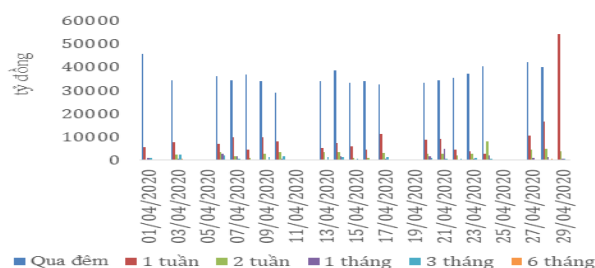
Trong tháng 4, lãi suất liên ngân hàng đã giảm ở hầu hết các kỳ hạn, ngoại trừ kỳ hạn 3 tháng. Diễn biến tích cực đáng chú ý trong tháng đó là lãi suất các kỳ hạn ngắn (qua đêm – 2 tuần) đã giảm lần lượt là 0,33 điểm phần trăm, 0,47 điểm phần trăm; 0,18 điểm phần trăm so với cuối tháng trước, ghi nhận chuỗi giảm liên tục từ ngày 7 – 13/4 ở tất cả các kỳ hạn ngắn, thậm chí kéo dài thêm ở kỳ hạn qua đêm và 01 tuần dẫn đến lãi suất đã thấp hơn 2%/năm từ ngày 10 – 20/4. Bên cạnh đó, lãi suất kỳ hạn 6 tháng và 12 tháng duy trì xu hướng giảm từ tháng trước, lần lượt ở mức 0,25 và 1,36 điểm phần trăm. Trong tháng, duy nhất chỉ có lãi suất kỳ hạn 3 tháng đã đảo chiều so với tháng trước tăng 0,78 điểm phần trăm.

Kết thúc tháng 4, lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn ngắn (qua đêm – 2 tuần) giao dịch ở mức 2,11%/năm, 2,14%/năm và 2,36%/năm; lãi suất kỳ hạn từ 1 tháng trở lên giao dịch lần lượt là 2,65%/năm; 4,22%/năm; 4,19%/năm và 4,17%/năm.

Diễn biến lãi suất liên ngân hàng



Doanh số giao dịch liên ngân hàng



Nguồn: NHNN

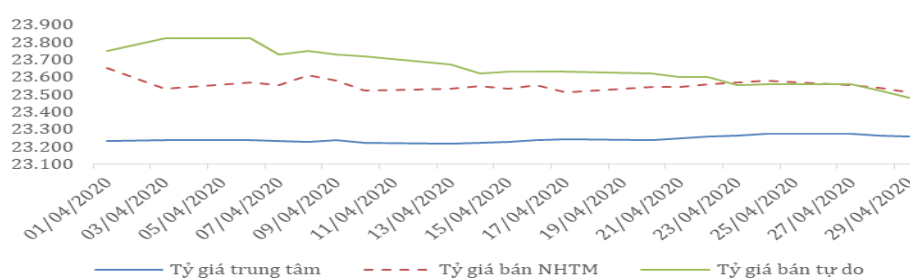
Tỷ giá đã hạ nhiệt so với tháng trước

Trong tháng 4/2020, diễn biến tỷ giá trong nước đã hạ nhiệt mặc dù đồng USD vẫn tăng giá trên thị trường quốc tế. Theo đó, tỷ giá trung tâm tiếp tục được điều chỉnh phù hợp với diễn biến của đồng bạc xanh, tăng 0,09%, tỷ giá trung tâm được điều chỉnh chủ yếu giảm trong 10 ngày giao dịch đầu tháng với mức giảm phổ biến là 0,02% và được điều chỉnh tăng gần như liên tục trong 10 ngày giao dịch kế tiếp với mức tăng mạnh nhất lên đến 0,05% tương ứng với 11 đồng. Bên cạnh đó, tỷ giá mua, bán niêm yết trên Sở giao dịch NHNN đã không thay đổi so với tháng trước. Kết thúc tháng 4/2020, tỷ giá trung tâm chốt ở mức 23.257 USD/VND, tỷ giá niêm yết trên Sở giao dịch NHNN giao dịch ở mức 23.175 – 23.650 USD/VND (mua vào – bán ra).

Trong khi đó, tỷ giá giao dịch của các NHTM và trên thị trường tự do đã có xu hướng giảm ngay từ đầu tháng cả ở chiều mua vào và bán ra, kết thúc tháng đã giảm khoảng một nửa so với mức tăng của tháng trước. Theo đó, tỷ giá giao dịch của Vietcombank đã giảm 0,72% và 0,63% (mua vào – bán ra); tỷ giá của Eximbank đã giảm 0,64% và 0,72% (mua vào – bán ra). Tỷ giá giao dịch trên thị trường tự do có cùng xu hướng nhưng giảm mạnh hơn, cụ thể tỷ giá đã giảm 1,69% và 1,52% (mua vào – bán ra). Vào thời điểm cuối tháng, tỷ giá bán trên thị trường chính thức lớn hơn từ 20 – 30 đồng so với tỷ giá giao dịch trên thị trường tự do. Như vậy, diễn biến của tỷ giá trong tháng 4 đã phù hợp với cung – cầu thị trường, những tác động áp lực vào cuối tháng 3 chỉ mang tính ngắn hạn đặc biệt khi tổng thể cung – cầu ngoại tệ¹⁹ trong nền kinh tế vẫn ở trạng thái tích cực và NHNN kịp thời chuyển tải thông điệp bình ổn thị trường thông qua tỷ giá niêm yết trên Sở giao dịch NHNN.

Kết thúc tháng 4, tỷ giá giao dịch của Vietcombank là 23.330 – 23.510 USD/VND (mua vào – bán ra); tỷ giá giao dịch trên thị trường tự do giao dịch ở mức 23.400 – 23.480 USD/VND (mua vào – bán ra).

Diễn biến tỷ giá VND/USD



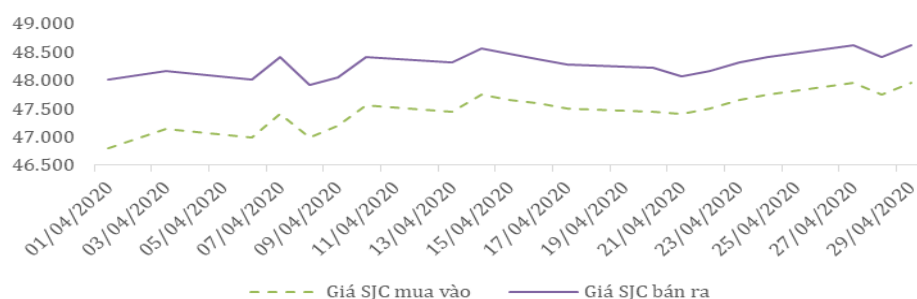
Nguồn: NHNN

¹⁹ 4 tháng đầu năm thẳng dư thương mại hơn 3 tỷ USD.

Giá vàng trong nước tiếp tục tăng

Kết thúc tháng 4, giá vàng trong nước tiếp tục tăng, giá vàng SJC lần lượt tăng khoảng 1,8% – 0,64% (chiều mua vào – bán ra). Mức tăng của giá vàng trong tháng đã thấp hơn rất nhiều so với mức tăng của tháng trước và mức tăng của giá vàng thế giới. Trong tháng giá vàng tăng giảm đan xen là chủ yếu, duy nhất xuất hiện chuỗi giảm liên tục (theo thời điểm khảo sát cuối ngày) đối với cả giá mua vào và bán ra từ ngày 15 – 21/4 với tổng mức giảm lần lượt khoảng 0,74% – lớn hơn 1%. Bên cạnh đó, giá bán vàng duy trì ở mức giá trên 48 triệu đồng/lượng, chênh lệch giá mua và giá bán ở mức cao khoảng 800.000 – hơn 1 triệu đồng/lượng diễn ra khoảng nửa đầu tháng và mức chênh lệch lớn này đã giảm dần trong thời gian giao dịch còn lại của tháng, giảm về mức 670.000 đồng/lượng vào cuối tháng. Đồng thời, giá vàng trong nước cũng đã ghi nhận nhiều ngày giao dịch thấp hơn từ 300.000 – hơn 900.000 đồng/lượng so với giá vàng quốc tế - đây là một diễn biến ít xảy ra kể từ đầu năm. Mặc dù vậy, mức chênh lệch cũng chưa đủ hấp dẫn để tăng lượng cầu đầu tư trong nước. Tính đến ngày giao dịch cuối của tháng 4/2020, giá vàng SJC tại thời điểm khảo sát giao dịch ở mức 47,95 – 48,62 triệu đồng/lượng (mua vào – bán ra).

Diễn biến giá vàng trong nước

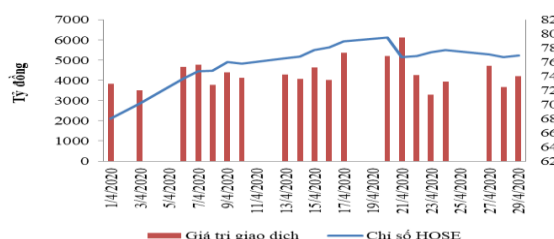


Nguồn: sjc.com.vn

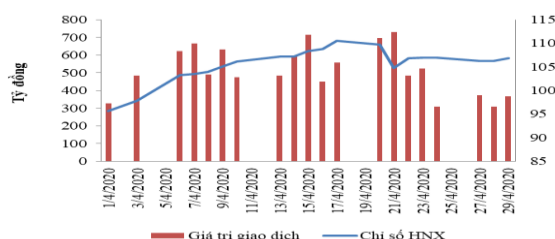
Thị trường chứng khoán tăng điểm mạnh trở lại

Trong tháng 4, thị trường chứng khoán Việt Nam đã lấy lại đà tăng điểm. Kết thúc phiên giao dịch cuối cùng của tháng 4, chỉ số VN-Index ở mức 769,11 điểm, tăng 16,09% so với phiên giao dịch cuối tháng trước; chỉ số HNX-Index ở mức 106,84 điểm, tăng 15,33%; chỉ số UPCOM ở mức 52,22 điểm, tăng 9,38%.

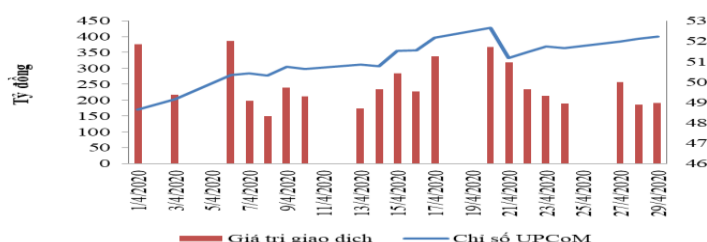
Diễn biến chỉ số HOSE trong tháng 4



Diễn biến chỉ số HNX trong tháng 4



Diễn biến chỉ số UPCOM trong tháng 4

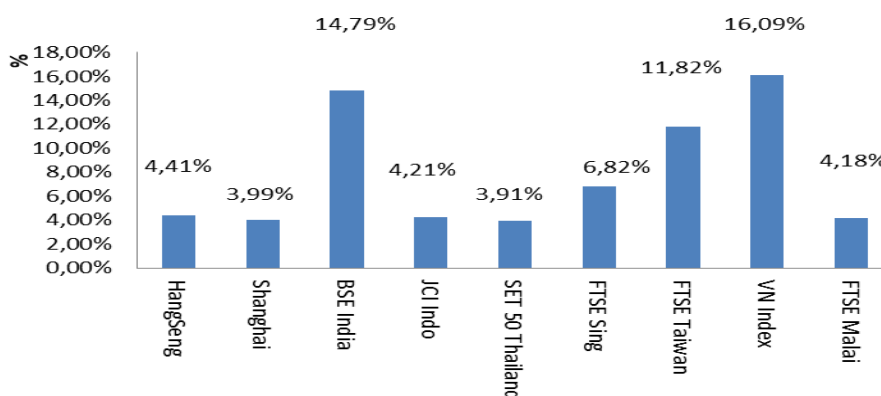


Nguồn: UBCK Nhà nước

Quan sát diễn biến của các chỉ số cho thấy cả 3 chỉ số đều duy trì được đà tăng liên tục trong khoảng 3 tuần đầu tháng, điều chỉnh giảm khá mạnh trong phiên giao dịch ngày 21/4 và diễn biến gần như đi ngang trong phần còn lại của tháng. Sự hồi phục của thị trường chứng khoán trong nước chủ yếu được hỗ trợ bởi kỳ vọng của nhà đầu tư về việc kiểm soát dịch bệnh hiệu quả tại Việt Nam, tâm lý bắt đáy khi giá cổ phiếu xuống thấp và sự dẫn dắt từ đà tăng ổn định của nhóm cổ phiếu bluechip. Ước tính, từ đầu tháng 4 đến nay, nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn có mức tăng trung bình gần 7% trong đó nhóm VN30 tăng hơn 7%, nhóm vốn hóa trung bình tăng hơn 4,3% và nhóm vốn hóa nhỏ tăng gần 6%.

Với sự hồi phục tích cực này, thị trường chứng khoán Việt Nam là thị trường đạt mức tăng điểm tốt nhất trong khu vực Châu Á trong tháng 4.

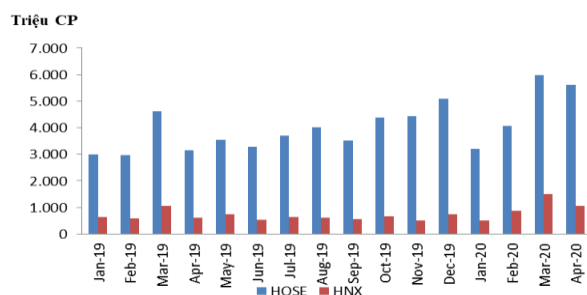
Diễn biến tăng trưởng trên một số thị trường chứng khoán Châu Á trong tháng 4



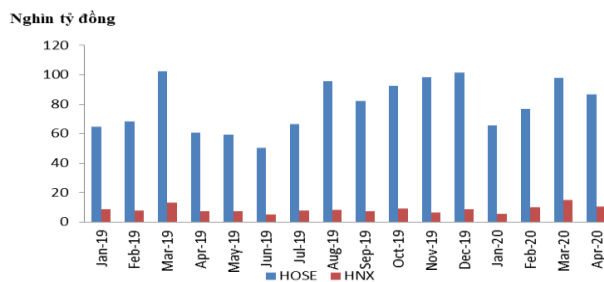
Nguồn: Bloomberg

Thanh khoản trên 2 sàn giao dịch chính thức giảm so với tháng trước. Trên sàn HOSE, khối lượng giao dịch tháng 4 đạt 5614,41 triệu cổ phiếu, tương đương giá trị giao dịch là 86,79 nghìn tỷ đồng, giảm 6,22% về khối lượng và 11,29% về giá trị so với tháng trước. Trên sàn HNX, khối lượng giao dịch tháng 4 đạt 1065,91 triệu cổ phiếu, tương đương giá trị giao dịch là 10,28 nghìn tỷ đồng, giảm 29,25% về khối lượng và 31,53% về giá trị so với tháng trước.

Khối lượng giao dịch T1/2019 – T4/2020



Giá trị giao dịch T1/2019 – T4/2020



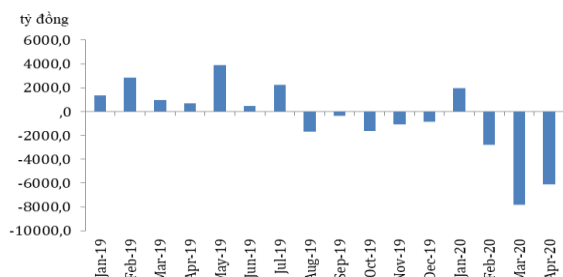
Nguồn: UBCK Nhà nước

Mặc dù thị trường chứng khoán trong nước đã hồi phục trở lại tuy nhiên khối ngoại vẫn tiếp tục duy trì trạng thái bán ròng nhưng mức bán ròng đã chậm lại so với tháng trước. Trên sàn HOSE, khối ngoại có tháng bán ròng thứ 3 liên tiếp kể từ đầu năm đến nay với mức bán ròng là 6,14 nghìn tỷ đồng. Như vậy, từ đầu năm đến nay, lượng bán ròng của khối ngoại đã lên đến 14,85 nghìn tỷ đồng,

hoàn toàn xóa sạch kết quả mua ròng đã đạt được của khối ngoại trên sàn HOSE trong năm 2019 là 6,73 nghìn tỷ đồng. Trên sàn HNX, khối ngoại bán ròng liên tục kể từ đầu năm với mức bán ròng đạt 403 tỷ đồng trong tháng 4, nâng tổng mức bán ròng trên sàn HNX từ đầu năm đến nay là 1,56 nghìn tỷ đồng.

Khối ngoại mua bán ròng trên sàn HOSE

(1/2019 – 4/2020)



Khối ngoại mua bán ròng trên sàn HNX

(1/2019 – 4/2020)



Nguồn: UBCK Nhà nước